

MỤC LỤC

<i>Lời cảm ơn</i>	1
<i>Lời nói đầu</i>	2
Chương 1 Mô tả bài toán và giải pháp	3
1.1. Giới thiệu về Cục thuế tỉnh Quảng Ninh	3
1.2. Mô tả hoạt động	4
1.3. Giải pháp	8
Chương 2 Phân tích và thiết kế hệ thống	9
2.1. Mô hình nghiệp vụ	9
2.1.1. Biểu đồ ngữ cảnh	9
2.1.2. Sơ đồ phân rã chức năng.....	10
2.1.3. Mô tả chi tiết chức năng lá.....	11
2.1.4. Danh sách hồ sơ dữ liệu.....	12
2.1.5. Ma trận thực thể chức năng	12
2.2. Sơ đồ luồng dữ liệu	13
2.2.1. Sơ đồ luồng dữ liệu mức 0.....	13
2.2.2. Sơ đồ luồng dữ liệu mức 1.....	14
2.3. Thiết kế CSDL	17
2.3.1. Mô hình liên kết thực thể (ER)	17
2.3.2. Mô hình quan hệ	20
2.4. Thiết kế giao diện.....	24
2.4.1. Giao diện chính.....	24
2.4.2. Các giao diện cập nhật	25
2.4.3. Các giao diện xử lý	29
2.4.4. Các mẫu báo cáo	31
Chương 3 Cơ sở lý thuyết	34
3.1. Phân tích thiết kế hệ thống hướng cấu trúc	34
3.1.1. Khái niệm hệ thống thông tin	34
3.1.2. Khái niệm phân tích thiết kế hệ thống	34
3.1.3. Phân tích hệ thống hướng cấu trúc	34
3.2. Thiết kế CSDL quan hệ	35
3.2.1. Định nghĩa.....	35
3.2.2. Các thành phần cơ bản của mô hình ER.....	35

3.2.3. Các khái niệm và ký pháp.....	36
3.3. Công cụ để cài đặt chương trình	38
3.3.1. Hệ QTCSDL SQL SERVER	38
3.3.2. Ngôn ngữ Visual Basic	40
Chương 4 Cài đặt chương trình	44
4.1. Một số giao diện chính.....	44
4.1.1. Giao diện chính.....	44
4.1.2. Giao diện cập nhật và xử lý dữ liệu	47
4.1.3. Một số báo cáo	50
4.2. Nhận xét đánh giá	53
<i>Kết luận</i>	54
<i>Tài liệu tham khảo</i>	55

LỜI CẢM ƠN

Người xưa có câu: “Uống nước nhớ nguồn, ăn quả nhớ kẻ trồng cây”. Với em sinh viên khoá 9 của trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng luôn luôn ghi nhớ những công lao to lớn của các thầy giáo, cô giáo. Những người đã dẫn dắt chúng em từ khi mới bước chân vào giảng đường đại học những kiến thức, năng lực và đạo đức chuẩn bị hành trang bước vào cuộc sống để xây dựng đất nước khi ra trường sau 4 năm học. Em xin hứa sẽ lao động hết mình đem những kiến thức học được phục vụ cho Tổ quốc. Em xin chân thành cảm ơn đến:

Cha, mẹ người đã sinh thành và dưỡng dục con, hỗ trợ mọi điều kiện về vật chất và tinh thần cho con trên con đường học tập lòng biết ơn sâu sắc nhất.

Thầy cô của trường và các thầy cô trong Ban giám hiệu, thầy cô trong Bộ môn Tin học của trường Đại học Dân lập Hải Phòng đã tận tình giảng dạy và tạo mọi điều kiện cho chúng em học tập trong suốt thời gian học tập tại trường.

Thầy Vũ Anh Hùng – Giáo viên hướng dẫn đồ án tốt nghiệp đã tận tình, hết lòng hướng dẫn em trong suốt quá trình nghiên cứu để hoàn thành đồ án tốt nghiệp này. Em mong thầy luôn luôn mạnh khoẻ để nghiên cứu và đào tạo nguồn nhân lực cho đất nước.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn.

Hải Phòng, ngày tháng năm 2009

Sinh viên thực hiện

Bùi Hải Yến

LỜI NÓI ĐẦU

Ngày nay sự phát triển mạnh mẽ của tin học làm cho máy tính trở thành phương tiện không thể thiếu được trong mọi lĩnh vực đời sống. Hơn lúc nào hết các tính năng của máy tính được khai thác một cách triệt để. Nếu như vài ba năm trước máy tính ở nước ta máy tính được sử dụng chủ yếu như là một công cụ để soạn thảo văn bản thông thường, hoặc các công việc lập trình, quản lý phức tạp, xử lý dữ liệu biểu bảng, thương mại, khoa học v.v... thì giờ đây, cùng với sự vươn xa của mạng Internet trên lãnh thổ Việt Nam máy tính còn là phương tiện bạn có thể ngồi trên bàn làm việc cá nhân tại gia đình mà trao đổi thông tin liên lạc đi khắp toàn cầu.

Nền tin học càng phát triển thì con người càng có nhiều những phương pháp mới, công cụ mới để xử lý thông tin và nắm bắt được nhiều thông tin hơn. tin học được ứng dụng trong mọi ngành nghề, mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, việc áp dụng Tin học vào trong quản lý, sản xuất, kinh doanh du lịch là một xu hướng tất yếu.

Kết quả của việc áp dụng tin học trong quản lý là việc hình thành các hệ thống thông tin quản lý nhằm phục vụ cho nhu cầu xử lý dữ liệu và cung cấp thông tin cho các chủ sở hữu hệ thống đó. Ở nước ta hiện nay trong những năm gần đây các ứng dụng tin học vào quản lý đang ngày một nhiều hơn, đa dạng hơn.

Hệ thống thông tin được đề cập đến trong đề án này là hệ thống trợ giúp các hoạt động tài chính, hệ thống được ứng dụng thực tế trong công việc hỗ trợ quản lý việc thu thuế thu nhập doanh nghiệp. Đối công việc quản lý thu thuế TNDN, nếu mọi công việc đều làm bằng tay thì đó là một công việc rất khó khăn phức tạp, không hiệu quả lại tốn rất nhiều thời gian vào việc phân tích và xử lý dữ liệu, mà kết quả đưa ra lại có độ chính xác không cao trong quá trình thống kê. Nhất là số lượng doanh nghiệp đông, số lần đóng thuế của doanh nghiệp có thể lên tới nhiều lần mỗi doanh nghiệp. Và hàng quý, hàng năm nhân viên kê khai thuế, nhân viên thu nợ thuế tốn rất nhiều thời gian để cập nhật, thống kê...

Để giải quyết các khó khăn của công việc trên một cách nhanh chóng và thuận lợi thì tin học đã cung cấp cho chúng ta các phương pháp và các công cụ để xây dựng các chương trình ứng dụng đó và việc có được một chương trình gần như tự động hoá được các công việc. Trong đề tài này đã thể hiện tương đối đầy đủ những chi tiết đề ra.

CHƯƠNG 1

MÔ TẢ BÀI TOÁN VÀ GIẢI PHÁP

1.1. Giới thiệu về Cục thuế tỉnh Quảng ninh

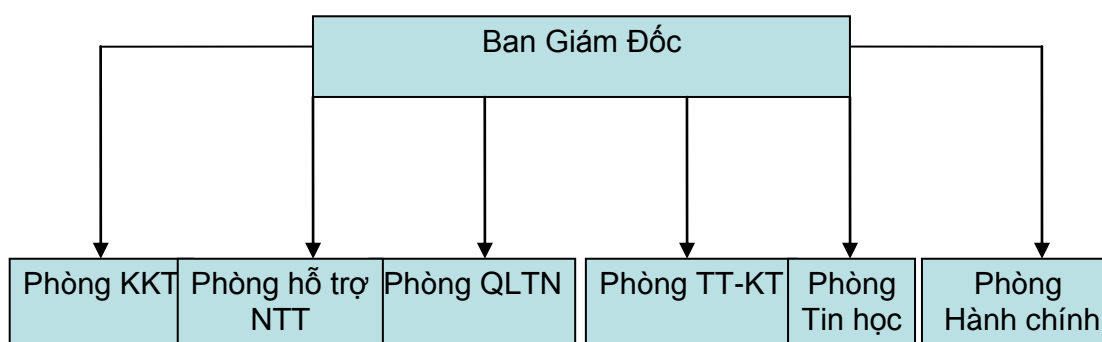
Cục thuế tỉnh Quảng ninh cùng với Cục thuế các tỉnh, thành phố trong cả nước được thành lập ngày 21/8/1990 trên cơ sở sáp nhập cả 3 tổ chức: thu quốc doanh, thuế công thương nghiệp, thuế nông nghiệp. Từ ngày 01/10/1990, Cục thuế chính thức hoạt động trong hệ thống ngành Thuế thống nhất từ trung ương đến địa phương.

Từ ngày thành lập đến nay, toàn thể lãnh đạo, công chức và lao động của Cục thuế tỉnh Quảng ninh đã nỗ lực phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Quá trình xây dựng và trưởng thành của Cục Thuế có thể thông qua các con số và sự kiện sau:

- Năm 2000, Cục Thuế được phong danh hiệu anh hùng lao động vì đã có thành tích xuất sắc đặc biệt trong thời kỳ đổi mới, góp phần xây dựng CNXH và BVTQ.
- Năm 2002, Cục Thuế được Tổng cục Thuế - Bộ Tài chính cho phép thực hiện các dự án thí điểm.
- Năm 2003, thành tích thu NSNN của Cục Thuế 1.238,1 tỷ đồng.
- Năm 2004, Cục thuế triển khai cơ sở ”Cơ sở sản xuất kinh doanh tự khai, tự nộp thuế”.
- Năm 2006, Cục Thuế triển khai cơ chế “Cơ sở sản xuất kinh doanh tự khai, tự nộp thuế” trong toàn tỉnh. Thu NSNN trên 3.000 tỷ đồng.

Các tập thể, các cá nhân trong ngành thuế QN đã được tặng thưởng 14 Huân chương LĐ; 02 cờ thi đua, 29 Bằng khen của chính phủ và nhiều cờ, kỷ niệm chương, giấy khen và bằng khen khác.

Sơ đồ tổ chức của cục thuế tỉnh Quảng Ninh:



1.2. Mô tả hoạt động

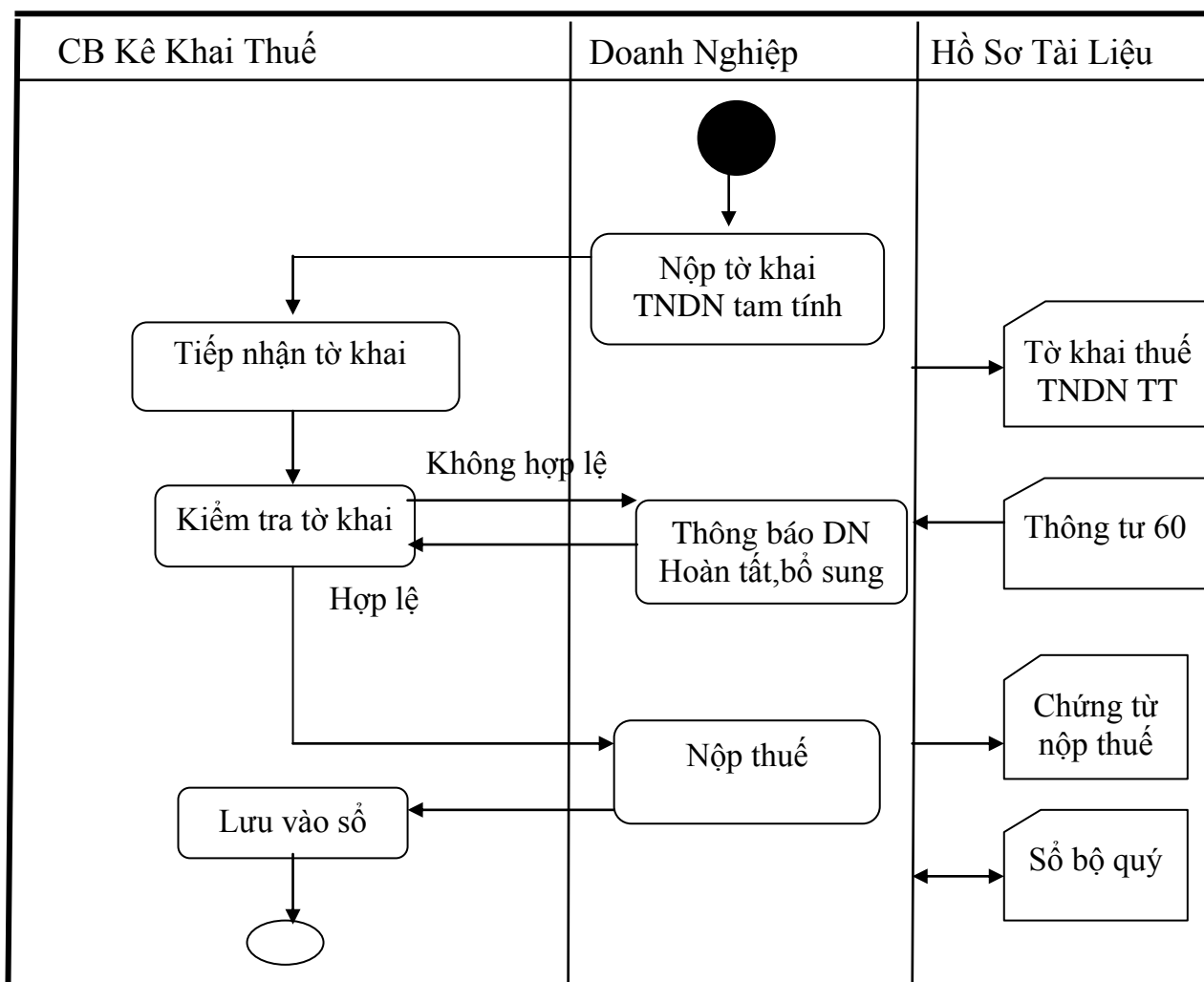
Mỗi doanh nghiệp đều được cấp một mã số thuế duy nhất.

a) Thu thuế theo quý

Sau 30 kể ngày kết thúc quý, CB phòng kê khai thuế sẽ tiếp nhận tờ khai tạm tính, doanh nghiệp phải tự kê khai vào tờ khai thuế tạm tính và nộp cho phòng kê khai thuế.

Cán bộ phòng kê khai thuế kiểm tra tính đầy đủ, hợp pháp và hợp lệ của tờ khai dựa vào thông tư 60. Nếu không hợp lệ, CB phòng kê khai sẽ thông báo cho doanh nghiệp hoàn tất, bổ sung thông tin.

Doanh nghiệp sẽ nộp thuế vào kho bạc nhà nước theo số thuế đã kê khai trong tờ khai tạm tính. Chứng từ nộp tiền sẽ được kho bạc chuyển cho cơ quan thuế. Và số tiền tạm tính quý của doanh nghiệp sẽ được xác nhận vào sổ bộ quý.



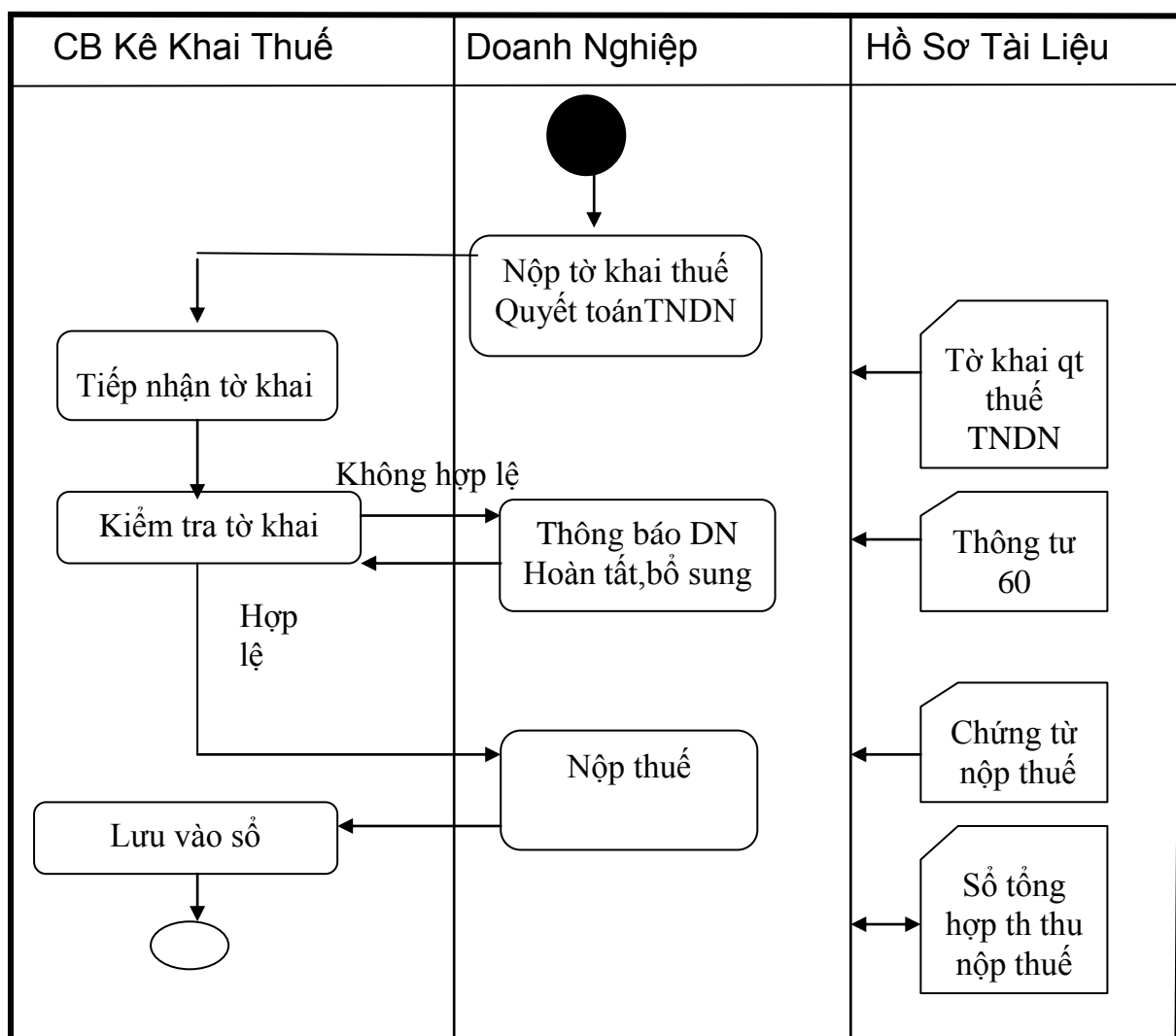
Hình 1.1: Sơ đồ tiến trình nghiệp vụ thu thuế theo quý

b) Thu thuế quyết toán

Kết thúc năm tài chính (năm tài chính được tính từ 1/1->31/12 dương lịch), sau 90 ngày, cán bộ phòng kê khai thuế sẽ tiếp nhận tờ khai quyết toán, doanh nghiệp phải tự kê khai vào tờ khai quyết toán và nộp cho cơ phòng kê khai thuế.

Cán bộ phòng kê khai thuế kiểm tra tính đầy đủ, hợp pháp và hợp lệ của tờ khai dựa vào thông tư 60. Nếu không hợp lệ, CB phòng kê khai sẽ thông báo cho doanh nghiệp hoàn tất, bổ sung thông tin.

Doanh nghiệp sẽ nộp thuế vào kho bạc nhà nước theo số thuế đã kê khai trong tờ khai quyết toán. Chứng từ nộp tiền sẽ được kho bạc chuyển cho cơ quan thuế. Số tiền quyết toán theo năm sẽ được xác nhận vào sổ tổng hợp thu nộp thuế.

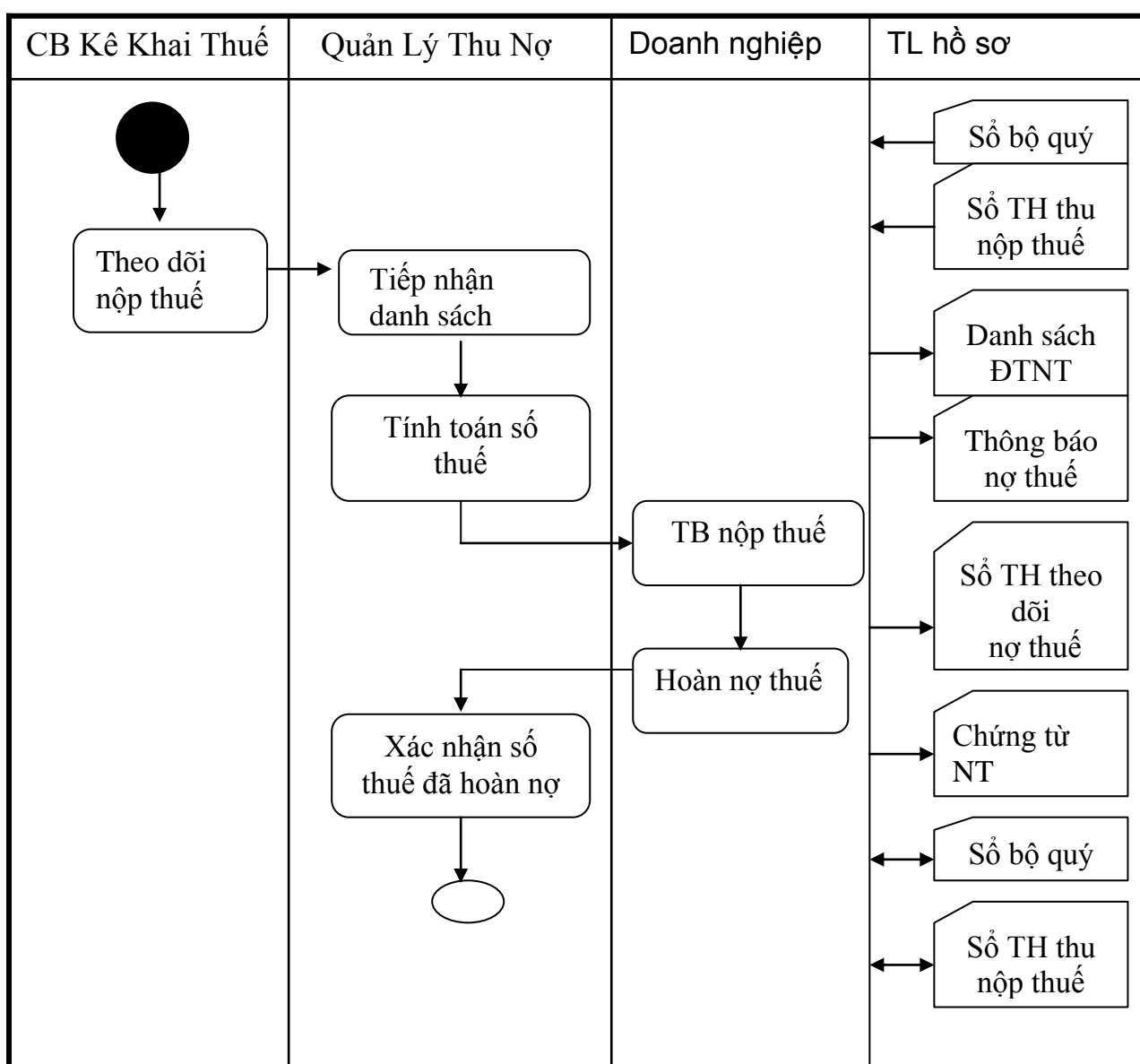


Hình 1.2: Sơ đồ tiến trình nghiệp vụ quyết toán thuế TNDN

c) Thu nợ thuế

Nếu doanh nghiệp nào mà chưa nộp thuế tính đến hết ngày kết thúc nộp thuế theo quy định của thu thuế theo quý và theo năm. Tức là: đối với quý I(từ tháng 1-> tháng 3), hết 30/4 mà doanh nghiệp chưa nộp thuế thì coi là bị nợ thuế. Hoặc đối với năm, hết 90 ngày của năm sau, tức là 1-4 của năm sau mà doanh nghiệp chưa nộp thuế thì sẽ bị coi là nợ thuế.

Cơ quan thuế sẽ lập sổ tổng hợp theo dõi nợ thuế, sau đó gửi thông báo nợ thuế cho doanh nghiệp. Số thuế đã hoàn nợ sẽ được xác nhận vào sổ tổng hợp theo dõi nộp thuế, sổ bộ quý.

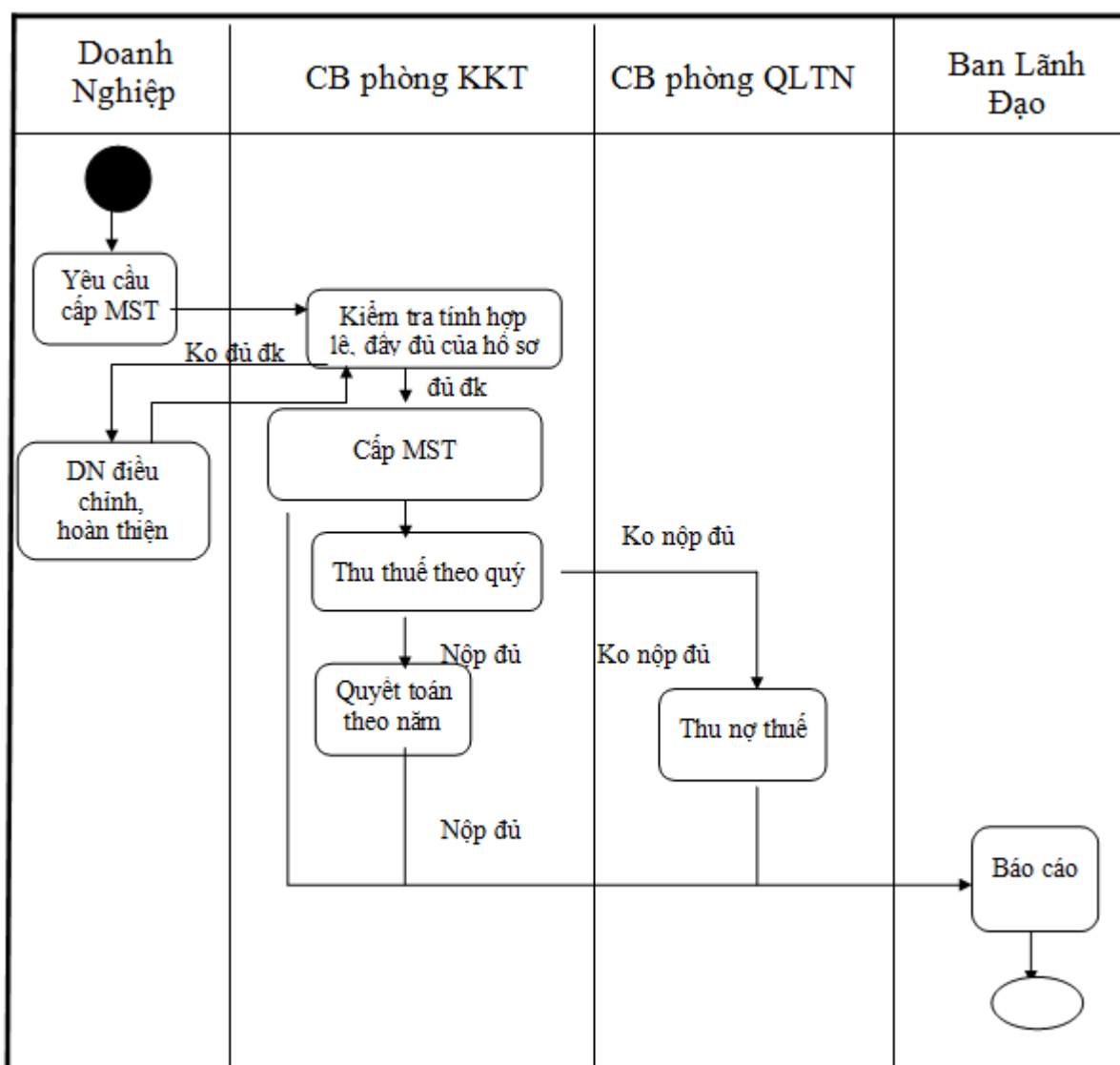


Hình 1.3 Sơ đồ tiến trình nghiệp vụ thu nợ thuế

d) Tổng hợp

Khi doanh nghiệp có yêu cầu cấp mã số thuế thì cán bộ phòng kê khai thuế hướng dẫn khách hàng làm thủ tục cấp mã số thuế. Sau khi tiếp nhận hồ sơ doanh nghiệp, cán bộ phòng kê khai thuế tiến hành kiểm tra xem doanh nghiệp có đủ điều kiện cấp mã số thuế hay không. Nếu đủ điều kiện, cán bộ phòng kê khai thuế sẽ cấp mã số thuế cho doanh nghiệp. Sau 30 ngày mỗi quý và sau 90 kể từ ngày kết thúc năm tài chính, những doanh nghiệp nào chưa nộp đủ số thuế đã kê khai sẽ được chuyển sang bên cán bộ phòng thu nợ thuế theo dõi và thu nợ thuế.

- Định kỳ làm báo cáo và gửi lên ban lãnh đạo



Hình 1.4. Sơ đồ tiến trình nghiệp vụ thu thuế TNDN

1.3. Giải pháp

Trên thực tế, với hàng trăm doanh nghiệp, thì công việc quản lý thu thuế không đơn giản chút nào. Việc quản lý ở đây không đơn thuần là quản lý về số lượng, mà còn quản lý về mọi thông tin liên quan đến doanh nghiệp. Thêm vào đó, việc tính toán thống kê và quản lý thu thuế của doanh nghiệp liên quan đến pháp luật. Vì vậy, việc lưu trữ, xử lý thông tin của doanh nghiệp như thế nào để thuận tiện nhất, đáp ứng các yêu cầu công việc quản lý thu thuế thu nhập doanh nghiệp.

Giải pháp đặt ra ở đây là đưa ra một phương pháp quản lý mới dựa trên nền tảng khoa học công nghệ của xã hội phù hợp cho công việc quản lý, đó là xây dựng một phần mềm tin học giúp cho việc cập nhật, tìm kiếm, thống kê, báo cáo, xử lý tính toán, theo dõi nộp thuế, nợ thuế của doanh nghiệp một cách nhanh chóng, chính xác.

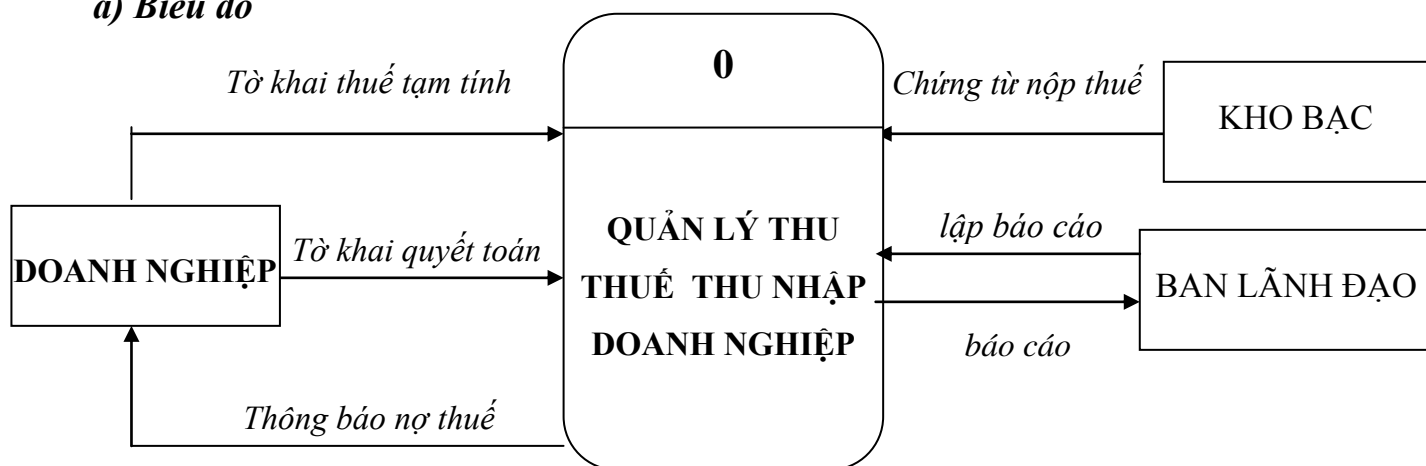
CHƯƠNG 2

PHÂN TÍCH THIẾT KẾ HỆ THỐNG

2.1. MÔ HÌNH NGHIỆP VỤ

2.1.1. Biểu đồ ngữ cảnh

a) Biểu đồ



Hình 2.1. Biểu đồ ngữ cảnh

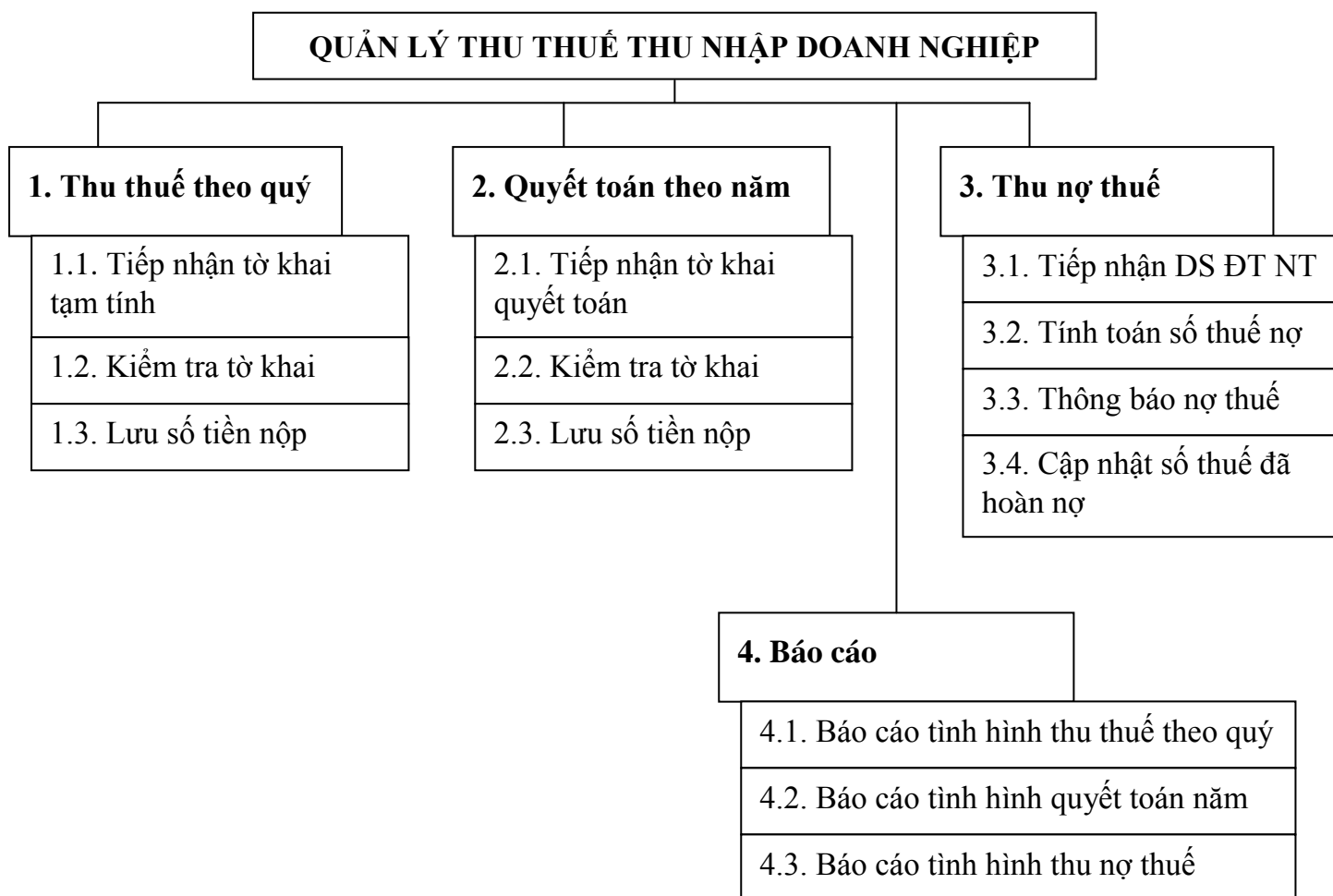
b) Mô tả

* **DOANH NGHIỆP:** Mỗi doanh nghiệp được cấp một mã số thuế duy nhất. Sau 30 ngày kết thúc quý, và sau 90 ngày kết thúc năm, doanh nghiệp tự kê khai vào tờ khai tạm tính và tờ khai quyết toán và nộp cho cơ quan thuế. Doanh nghiệp nộp thuế cho kho bạc theo số thuế đã kê khai trong tờ khai.

* **KHO BẠC:** Kho bạc chuyển chứng từ nộp thuế cho cơ quan thuế. Nếu hết 30 ngày kể từ ngày kết thúc quý và quá 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm, doanh nghiệp nào chưa nộp thuế hoặc chưa nộp hết số thuế của quý, năm thì thông báo nợ thuế sẽ được gửi cho doanh nghiệp.

* **BAN LÃNH ĐẠO:** Mỗi khi ban lãnh đạo có yêu cầu lập các báo cáo theo quy định thì hệ thống sẽ lập ra các báo cáo theo yêu cầu rồi gửi lại cho ban lãnh đạo.

2.1.2. Sơ đồ phân rã chức năng nghiệp vụ



Hình 2.2. Sơ đồ phân rã chức năng nghiệp vụ

2.1.3. Mô tả chi tiết chức năng lá

(1.1). Tiếp nhận tờ khai thuế tạm tính: cán bộ phòng kê khai thuế tiếp nhận tờ khai thuế tạm tính của doanh nghiệp

(1.2). Kiểm tra tờ khai: cán bộ phòng kê khai thuế tiến hành kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp của tờ khai dựa vào thông tư 60.

(1.3). Lưu vào sổ: số tiền đã nộp của doanh nghiệp được cán bộ phòng kê khai thuế lưu vào sổ thông qua chứng từ mà kho bạc đã chuyển cho cơ quan thuế.

(2.1). Tiếp nhận tờ khai thuế tạm tính: cán bộ phòng kê khai thuế tiếp nhận tờ khai quyết toán của doanh nghiệp

(2.2). Kiểm tra tờ khai: cán bộ phòng kê khai thuế tiến hành kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp của tờ khai dựa vào thông tư 60.

(2.3). Lưu vào sổ: số tiền đã nộp của doanh nghiệp được cán bộ phòng kê khai thuế lưu vào sổ thông qua chứng từ nộp thuế, mà kho bạc đã chuyển cho cơ quan thuế.

(3.1). Tiếp nhận danh sách đối tượng nộp thuế: cán bộ phòng thu nợ thuế tiếp nhận danh sách đối tượng nộp thuế theo quý hoặc theo năm. Xem có đối tượng nào nợ thuế hay không. Nếu có sẽ tạo ra danh sách đối tượng nợ thuế.

(3.2). Tính toán số thuế nợ: cán bộ phòng thu nợ thuế tiến hành tính toán số thuế nợ dựa vào quy định về thu nợ thuế. Sau đó sẽ tạo ra thông báo nợ thuế cho doanh nghiệp.

(3.3). Thông báo nợ: cán bộ phòng thu nợ sẽ chuyển thông báo đến đối tượng nợ thuế.

(3.4). Cập nhật số thuế đã hoàn nợ: cán bộ phòng thu nợ xác nhận số thuế doanh nghiệp đã hoàn nợ thông qua chứng từ nộp thuế mà kho bạc đã chuyển cho cơ quan thuế.

(4.1). Báo cáo tình hình thu thuế theo quý: Báo cáo hàng quý về tình hình nộp thuế của doanh nghiệp.

(4.2). Báo cáo tình hình quyết toán năm: Báo cáo về tình hình quyết toán theo năm của doanh nghiệp.

(4.3). Báo cáo tình hình thu nợ thuế: Báo cáo về tình hình thu nợ thuế của doanh nghiệp.

2.1.4. Danh sách hồ sơ dữ liệu

- D1. Tờ khai thuế TNDN tạm tính
- D2. Thông tư 60
- D3. Chứng từ nộp thuế
- D4. Sổ bộ quý
- D5. Tờ khai quyết toán thuế TNDN
- D6. Sổ tổng hợp tình hình thu nộp thuế
- D7. Danh sách ĐT nợ thuế phải đôn đốc thu
- D8. Thông báo nợ thuế
- D9. Sổ tổng hợp theo dõi nợ thuế
- D10. Báo cáo

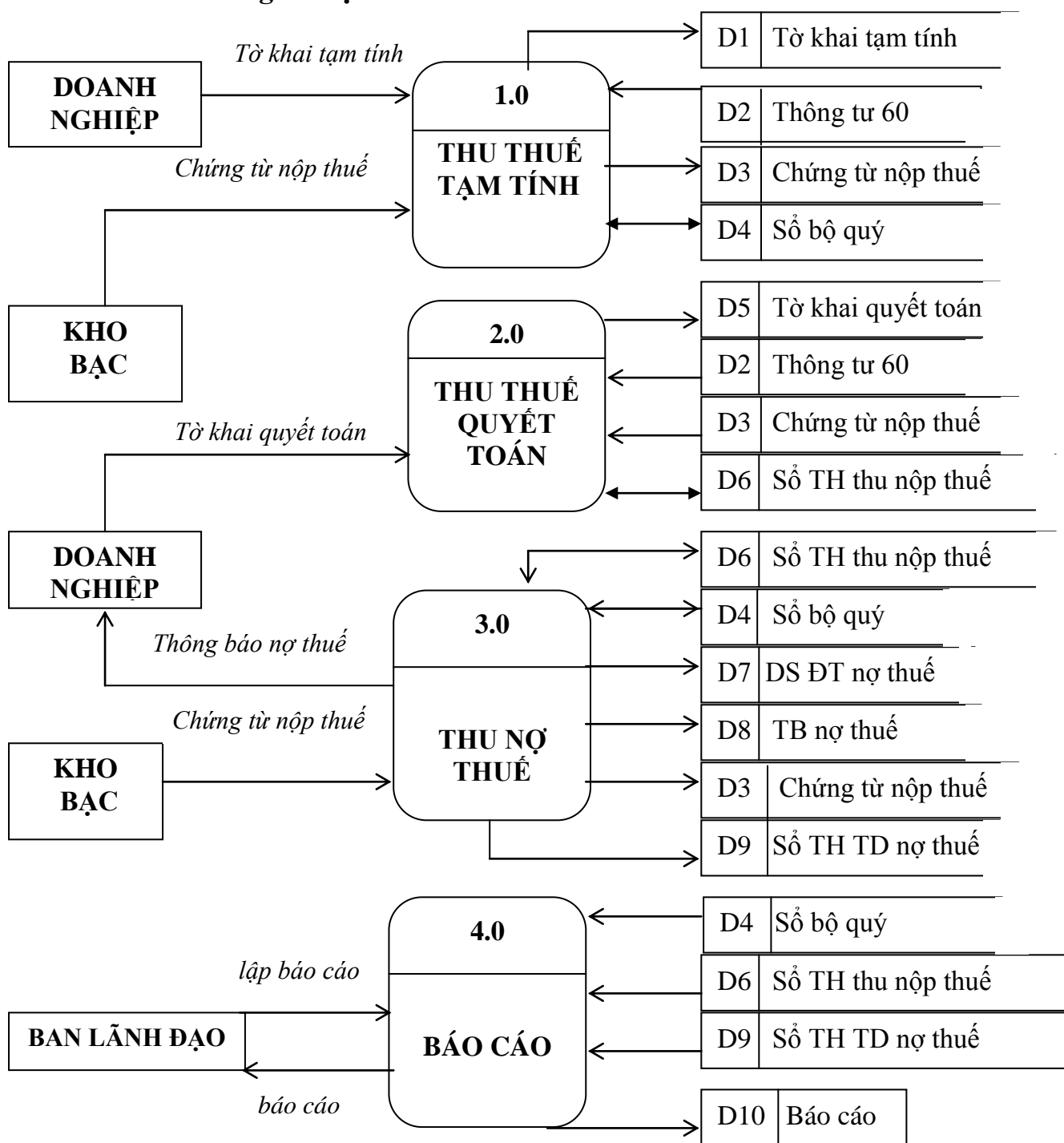
2.1.5. Ma trận thực thể chức năng

D1. Tờ khai thuế TNDN tạm tính										
D2. Thông tư 60										
D3. Chứng từ nộp thuế										
D4. Sổ bộ quý										
D5. Tờ khai quyết toán thuế TNDN										
D6. Sổ tổng hợp tình hình thu nộp thuế										
D7. Danh sách ĐTNT phải đôn đốc thu										
D8. Thông báo nợ thuế										
D9. Sổ tổng hợp theo dõi nợ thuế										
D10. Báo cáo										
Các chức năng	D1	D2	D3	D4	D5	D6	D7	D8	D9	D10
1. Thu thuế theo quý	C	R	C	U						
2. Quyết toán theo năm		R	R		C	U				
3. Thu nợ thuế			C	U		U	C	C	C	
4. Báo cáo				R		R			R	C

Hình 2.3. Ma trận thực thể chức năng

2.2. SƠ ĐỒ LƯỠNG DỮ LIỆU

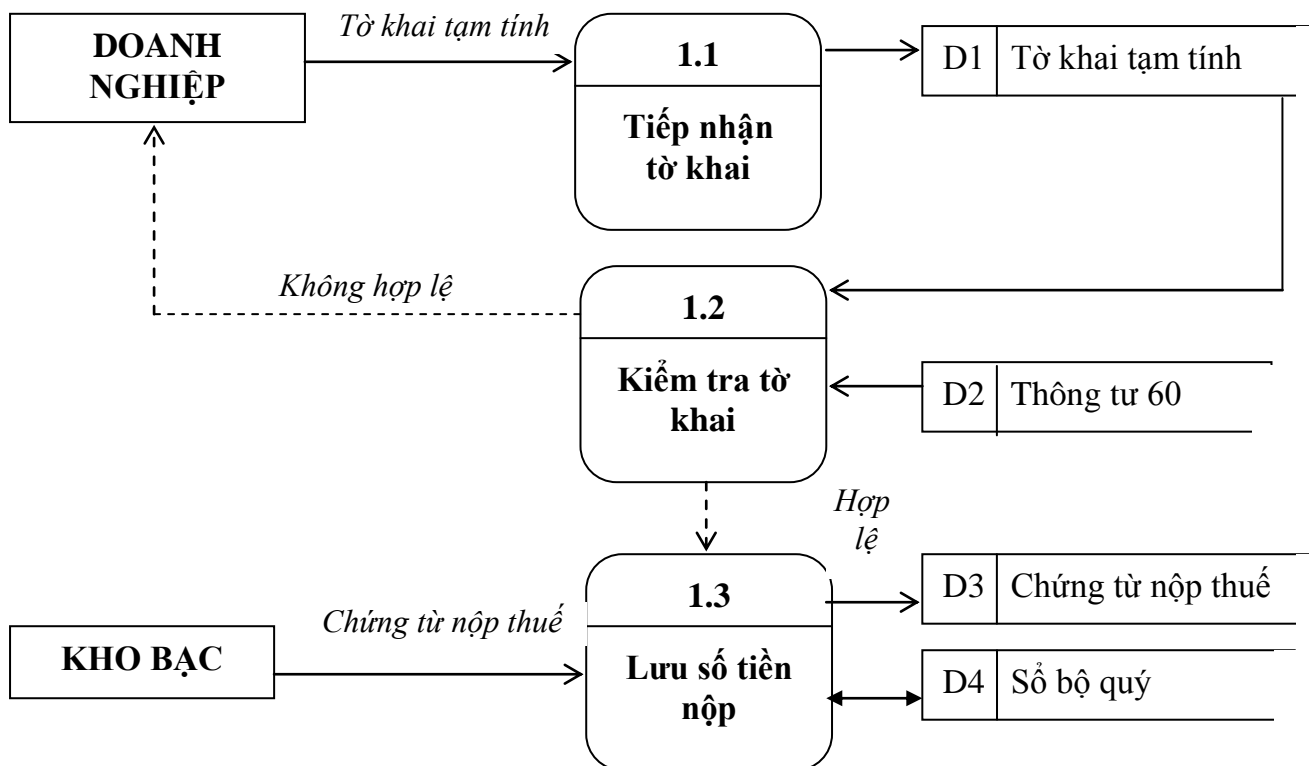
2.2.1. Sơ đồ luồng dữ liệu mức 0



Hình 2.4. Sơ đồ luồng dữ liệu mức 0

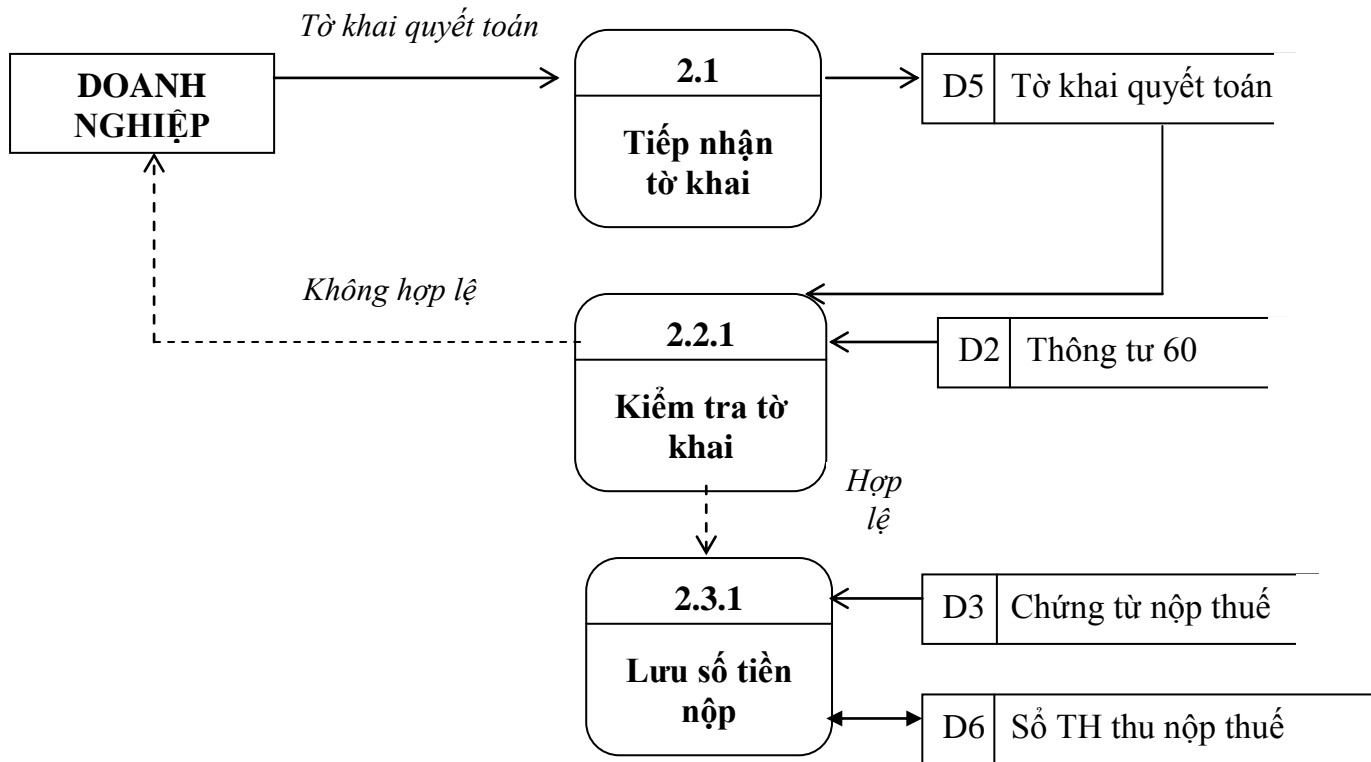
2.2.2. Sơ đồ luồng dữ liệu mức 1

a) Tiến trình “Thu thuế tạm tính”



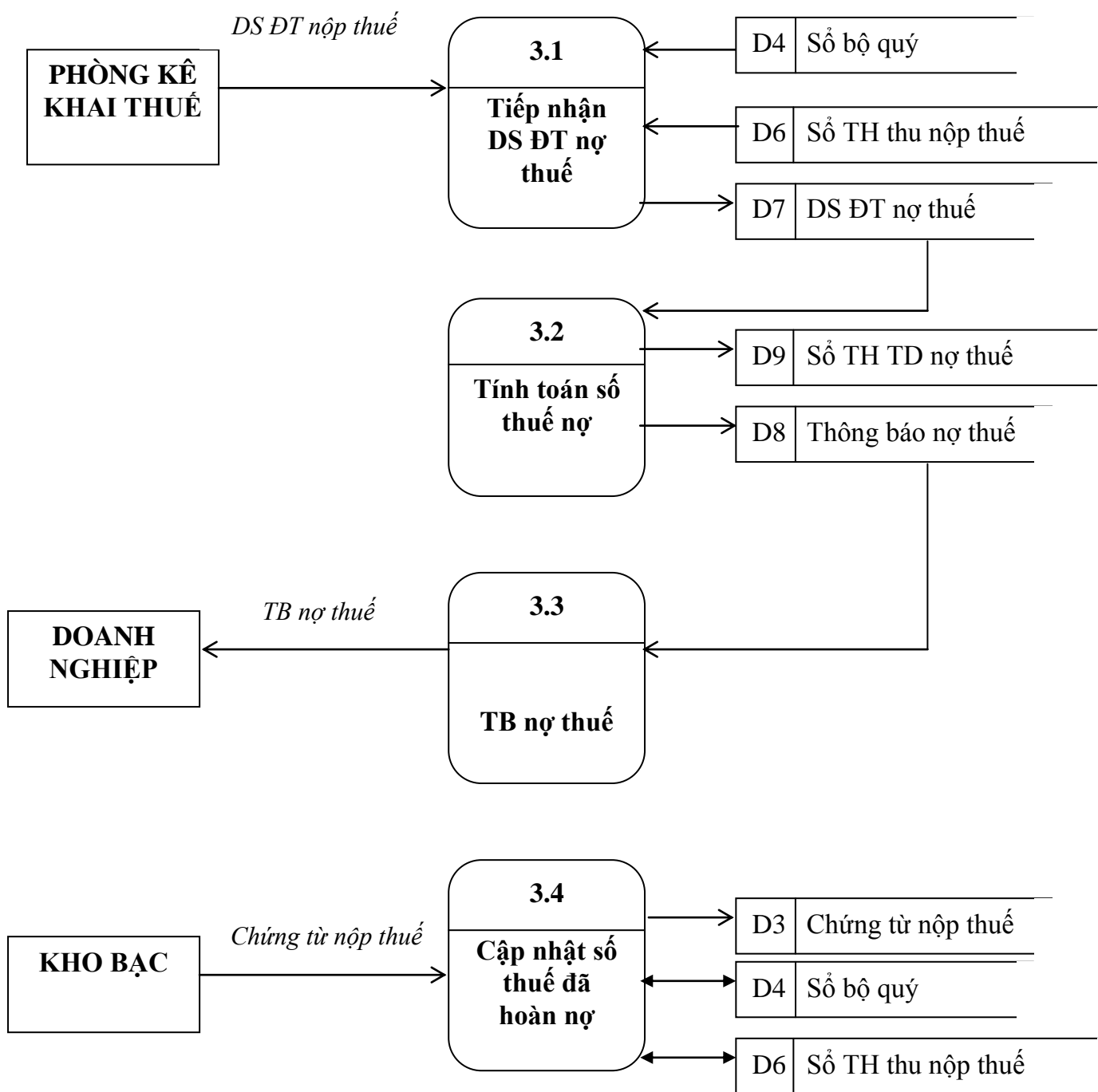
Hình 2.5. Sơ đồ luồng dữ liệu mức 1 của tiến trình “thu thuế tạm tính”

b) Tiến trình “Thu thuế quyết toán”



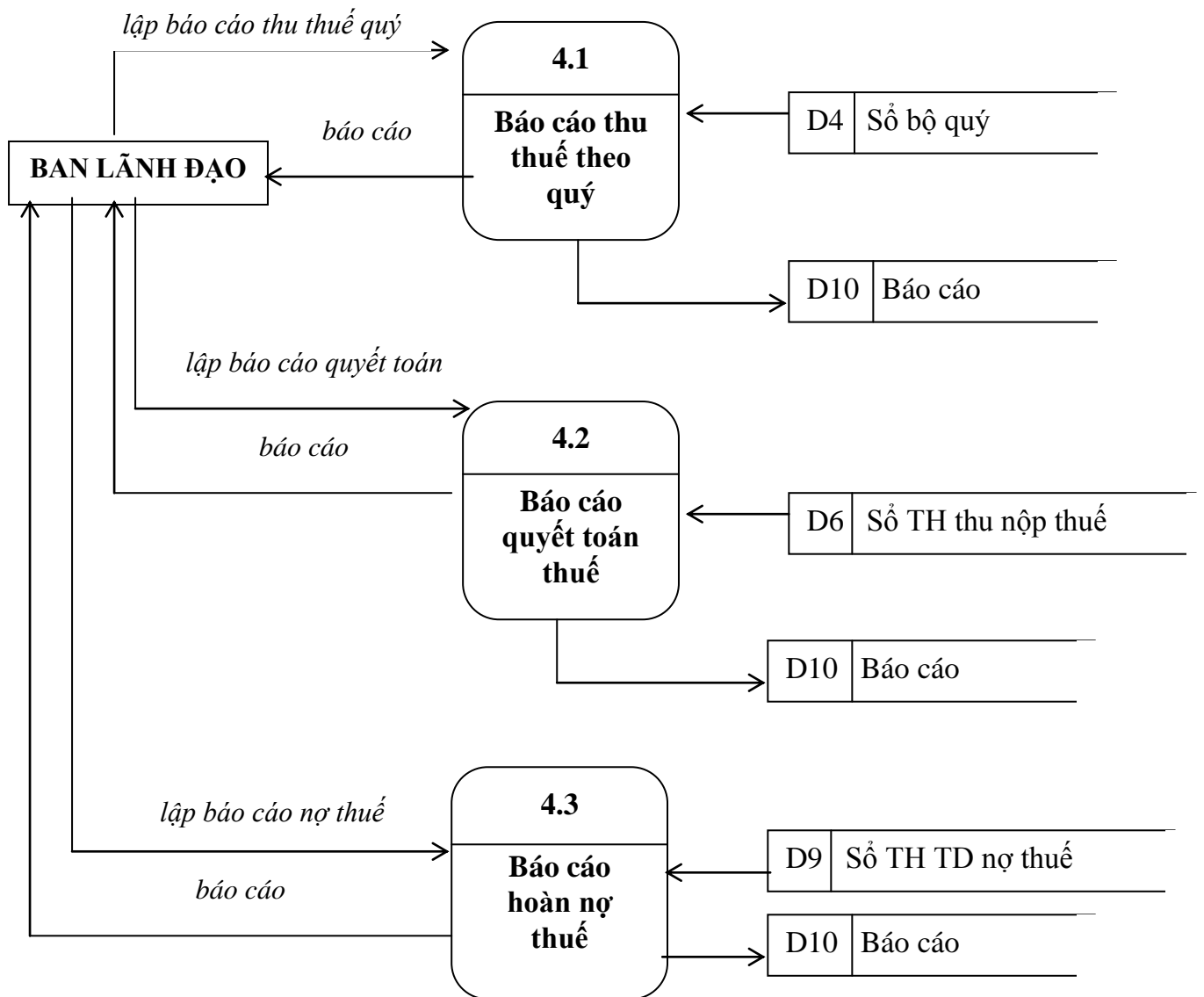
Hình 2.6. Sơ đồ luồng dữ liệu mức 1 của tiến trình “thu thuế quyết toán”

c) Tiến trình “Thu nợ thuế”



Hình 2.7. Sơ đồ luồng dữ liệu mức 1 của tiến trình “thu nợ thuế”

d) Tiến trình “**Báo cáo**”



Hình 2.8. Sơ đồ luồng dữ liệu mức 1 của tiến trình “báo cáo”

2.3. THIẾT KẾ CƠ SỞ DỮ LIỆU

2.3.1. Mô hình liên kết thực thể (ER)

a) Các kiểu thực thể

PHÒNG BAN (mã phòng ban, tên phòng ban, chức năng)

NHÂN VIÊN (mã nhân viên, tên nhân viên, chức vụ, giới tính)

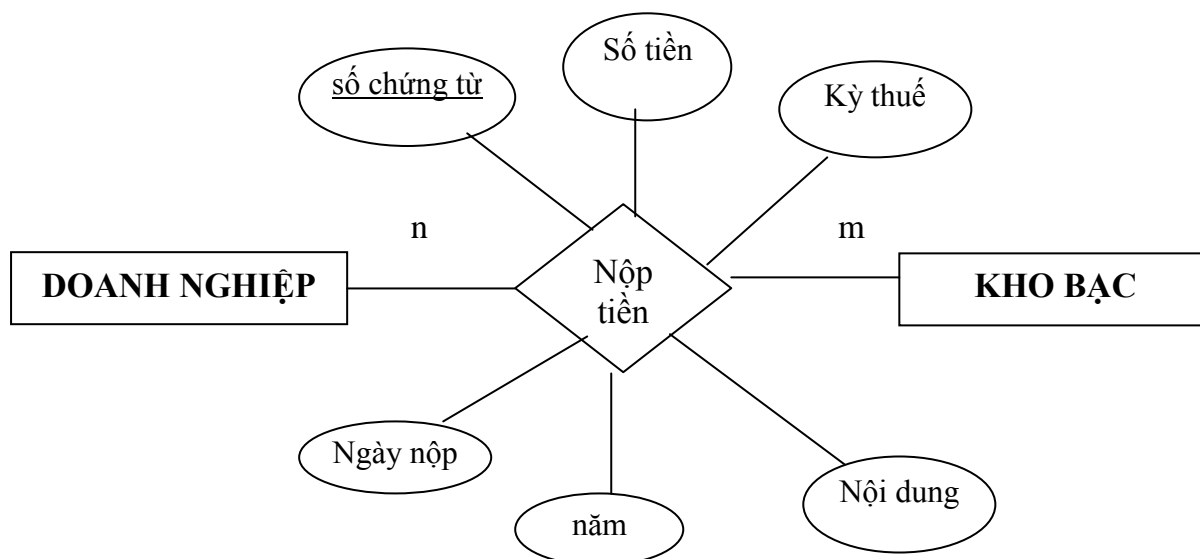
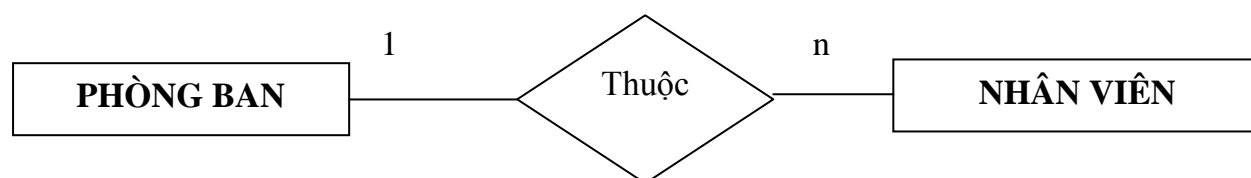
DOANH NGHIỆP (mã số thuế, tên doanh nghiệp, địa chỉ, tài khoản, email)

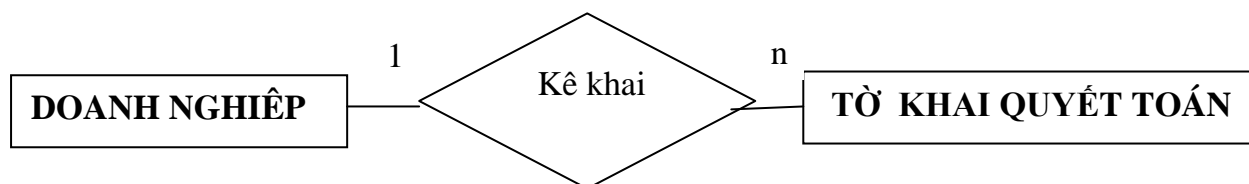
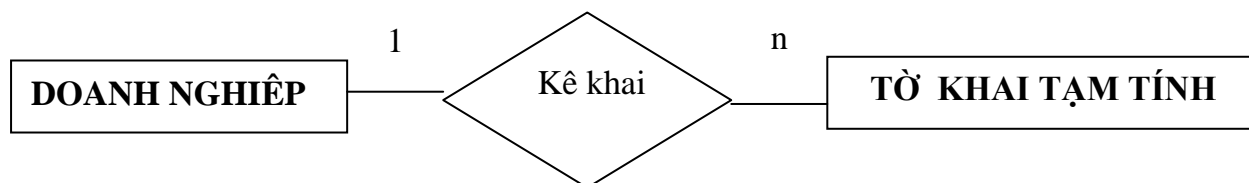
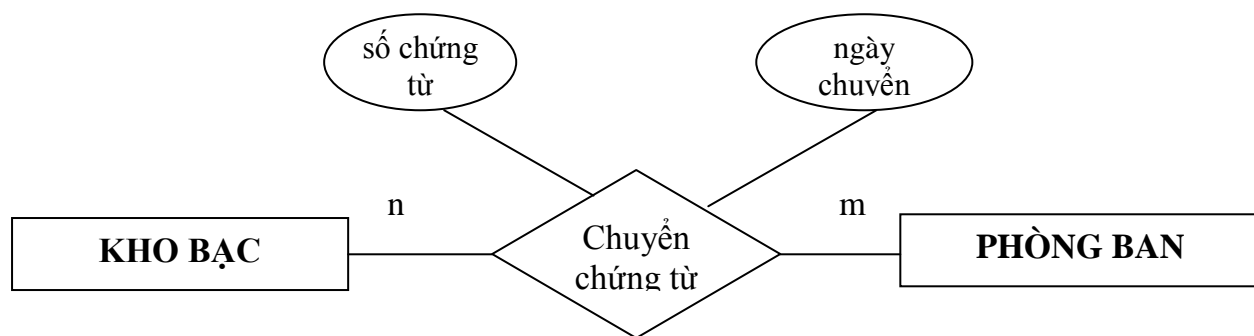
KHO BẠC (mã kho bạc, tên kho bạc)

TỜ KHAI TẠM TÍNH (số hiệu tạm tính, quý, năm, đơn vị tính, tổng số thuế phải nộp)

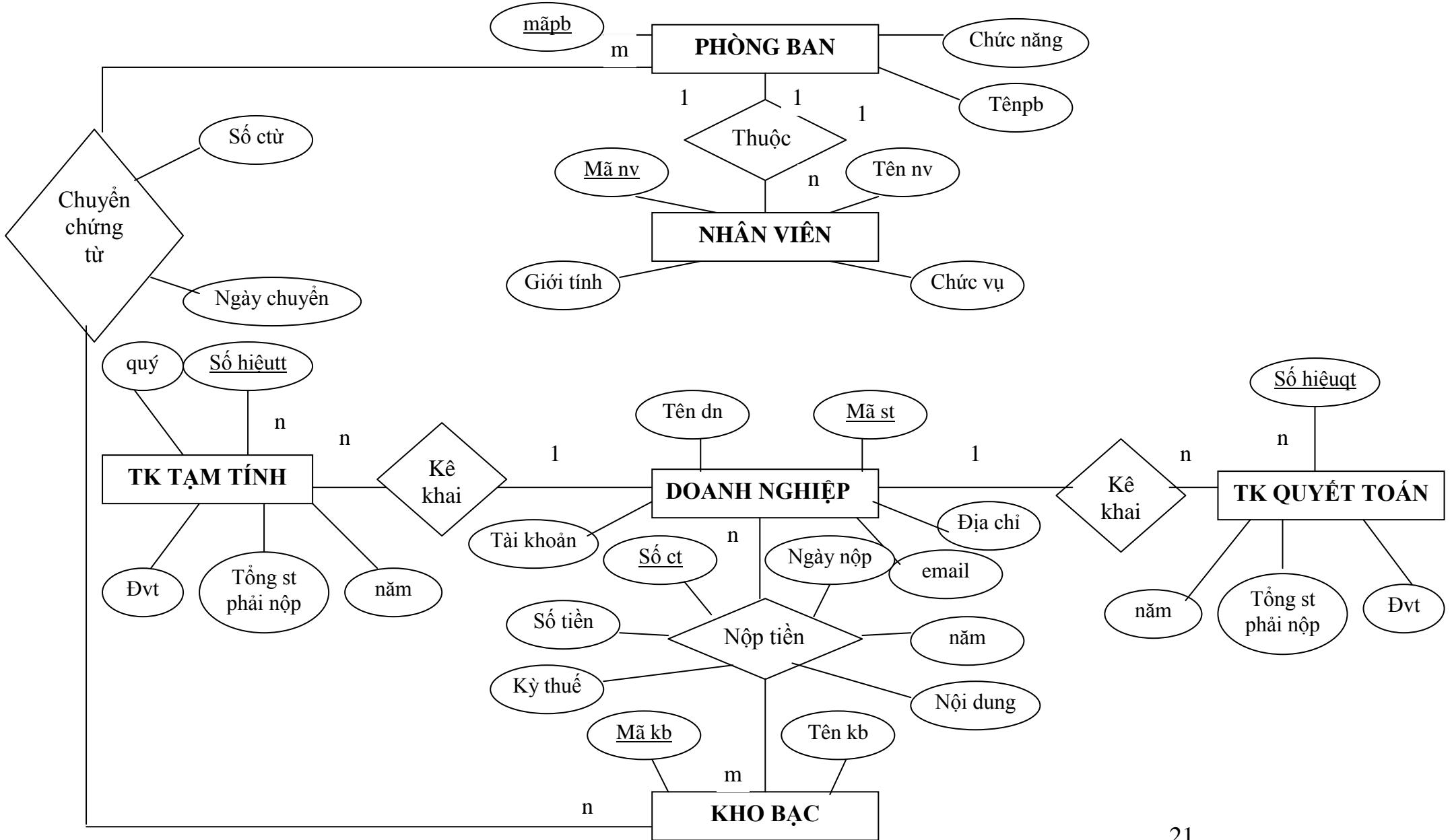
TỜ KHAI QUYẾT TOÁN (số hiệu quyết toán, năm, đơn vị tính, tổng số thuế phải nộp)

b) Các kiểu liên kết





c) mô hình liên kết thực thể



2.3.2. Mô hình quan hệ

a) Các quan hệ

PHÒNG BAN (mã phòng ban, , tên phòng ban ,chức năng)

NHÂN VIÊN (mã nhân viên, tên nhân viên, chức vụ, giới tính, mã phòngban)

DOANH NGHIỆP (mã số thuế, tên doanh nghiệp, địa chỉ, tài khoản, email)

KHO BẠC (mã kho bạc, tên kho bạc)

TỜ KHAI TẠM TÍNH (số hiệu tạm tính, quý, năm, đơn vị tính, tổng số thuế phải nộp, mã số thuế)

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN (số hiệu quyết toán, năm, đơn vị tính, tổng số thuế phải nộp, mã số thuế)

CHUYỂN CHỨNG TỪ (số chứng từ, mã kb, mã pb, ngày chuyển)

NỘP TIỀN (số chứng từ, mã st, mã kb, ngày nộp, năm, nội dung, kỳ thuế, số tiền)

b) Các bảng dữ liệu

* Bảng **DOANH NGHIỆP** lưu các thông tin chung về doanh nghiệp :

Stt	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Kích cỡ	Ghi chú
1.	mast	Nvarchar	10	Mã số thuế của doanh nghiệp, Khóa chính
2.	tendn	Nvarchar	50	Tên doanh nghiệp
3.	diachi	Nvarchar	50	Địa chỉ
4.	sotk	Nvarchar	20	Số tài khoản doanh nghiệp
5.	email	Nvarchar	50	Địa chỉ email của doanh nghiệp

* Bảng **PHÒNG BAN** lưu các thông tin về phòng ban cơ quan thuế:

Stt	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Kích cỡ	Ghi chú
1.	mapb	Nvarchar	3	Mã phòng ban, Khóa chính
2.	tenpb	Nvarchar	15	Tên phòng ban
3.	Chucnang	Nvarchar	50	Chức năng phòng ban

*Bảng **NHÂN VIÊN** lưu các thông tin về nhân viên thuế:

Stt	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Kích cỡ	Ghi chú
1.	manv	Nvarchar	10	Mã nhân viên, Khóa chính
2.	tennv	Nvarchar	30	Họ tên nhân viên
3.	chucvu	Nvarchar	20	Chức vụ
4.	gioitinh	Nvarchar	3	Giới tính
5.	Mapb	Nvarchar	3	Mã phòng ban

* Bảng **KHO BẠC** lưu các thông tin về kho bạc:

Stt	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Kích cỡ	Ghi chú
1.	makb	Nvarchar	5	Mã kho bạc, Khóa chính
2.	tenkb	Nvarchar	30	Tên kho bạc

* Bảng **TỜ KHAI TẠM TÍNH** lưu các thông tin kê khai thuế của doanh nghiệp theo quý:

Stt	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Kích cỡ	Ghi chú
1.	sohieutt	Nvarchar	10	Số hiệu tờ khai tạm tính, Khóa chính
2.	quy	int	4	Quý nộp thuế tạm tính
3.	nam	int	4	Năm nộp thuế tạm tính
4.	dvt	Char	14	Đơn vị tính
5.	tongstpn	money	8	Tổng số thuế phải nộp tạm tính
6.	mast	Nvarchar	10	Mã số thuế của doanh nghiệp

* Bảng **TỜ KHAI QUYẾT TOÁN** lưu các thông tin kê khai thuế của doanh nghiệp theo năm (quyết toán) :

Stt	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Kích cỡ	Ghi chú
1.	sohieuqt	Nvarchar	10	Số hiệu tờ khai quyết toán, Khóa chính
2.	nam	int	4	Năm nộp thuế quyết toán
3.	dvt	Char	14	Đơn vị tính
4.	tongstpn	money	8	Tổng số thuế phải nộp quyết toán
5.	mast	Nvarchar	10	Mã số thuế của doanh nghiệp

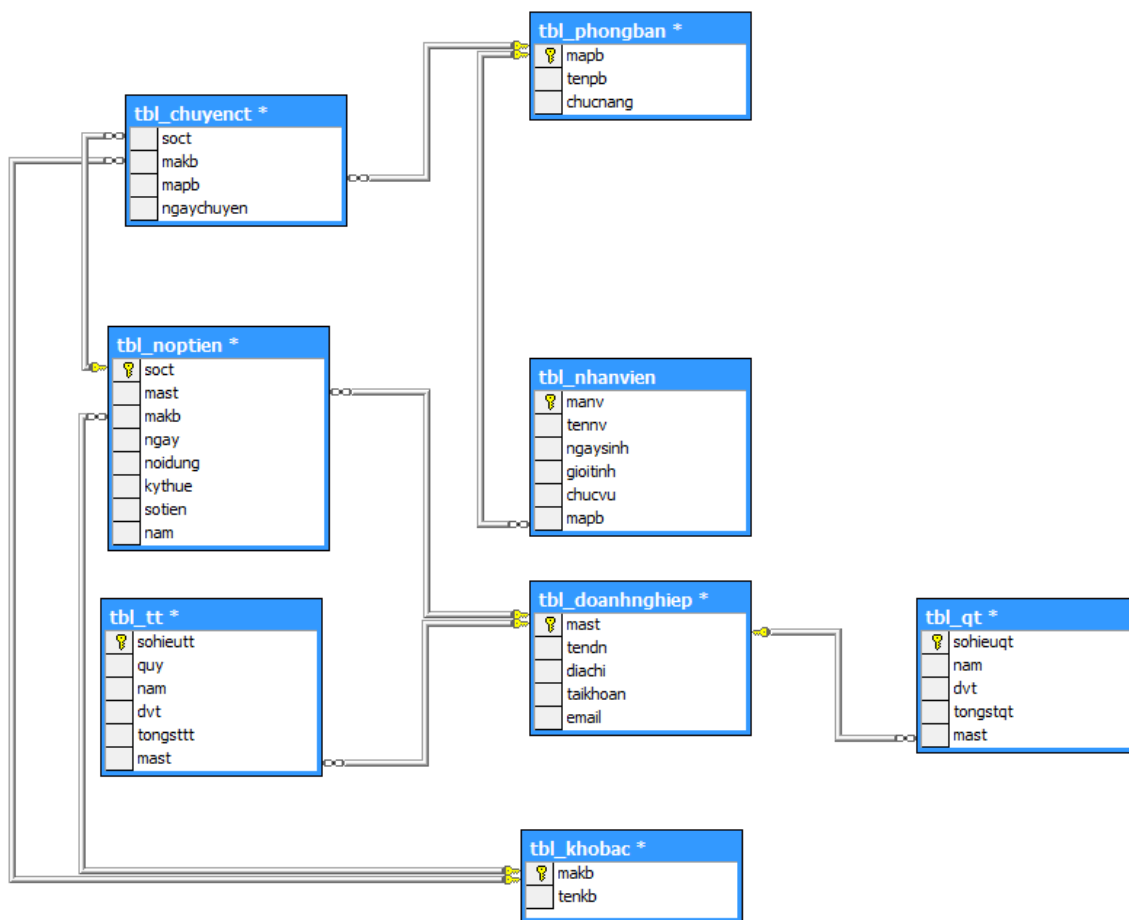
* Bảng **NỘP TIỀN** lưu trữ các thông tin về số tiền đã nộp của khách hàng :

Stt	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Kích cỡ	Ghi chú
1.	soct	Nvarchar	10	Số chứng từ, Khóa chính
2.	ngay	datetime	8	Ngày nộp tiền
3.	nam	int	4	Năm nộp thuế
4.	noidung	Nvarchar	20	Nội dung nộp tiền
5.	kythue	Nvarchar	10	Kỳ nộp thuế
6.	sotien	money	8	Số tiền nộp
7.	mast	Nvarchar	10	Mã số thuế của doanh nghiệp
8.	makb	Nvarchar	5	Mã kho bạc

* Bảng **CHUYỂN CHỨNG TỪ** lưu trữ các tt về việc chuyển chứng từ của DN:

Stt	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Kích cỡ	Ghi chú
1.	soct	Nvarchar	10	Số chứng từ
2.	makb	Nvarchar	5	Mã kho bạc
3.	mapb	Nvarchar	3	Mã phòng ban
4.	Ngày chuyển	datetime	8	Ngày chuyển chứng từ

c) Mô hình quan hệ



Hình 2.9. Mô hình quan hệ

2.4. THIẾT KẾ GIAO DIỆN

2.4.1. Giao diện chính

CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ THU THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP				
He Thống	Cập Nhật	In An	Kết Thúc	

2.4.2..Các giao diện cập nhật dữ liệu

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP				
DANH SÁCH DOANH NGHIỆP				
Mã số thuế	<input type="text"/>	Địa chỉ	<input type="text"/>	
Tên doanh nghiệp	<input type="text"/>	Tài khoản	<input type="text"/>	
		Email	<input type="text"/>	
<input type="button" value="Nhập mới"/>	<input type="button" value="Ghi"/>	<input type="button" value="Tìm kiếm"/>	<input type="button" value="Xóa"/>	<input type="button" value="Thoát"/>
<input type="button" value="Xem đầu"/>	<input type="button" value="Xem cuối"/>	<input type="button" value="Xem trước"/>	<input type="button" value="Xem sau"/>	

THÔNG TIN VỀ TỜ KHAI TẠM TÍNH				
CẬP NHẬT TỜ KHAI TẠM TÍNH				
Số hiệu tờ khai	<input type="text"/>	Đơn vị tính	<input type="text"/>	
Quý	<input type="text"/>	Tổng số thuế tạm tính	<input type="text"/>	
Năm	<input type="text"/>	Tên doanh nghiệp	<input type="text"/>	<input type="text"/>
<input type="button" value="Nhập mới"/>	<input type="button" value="Ghi"/>	<input type="button" value="Tìm kiếm"/>	<input type="button" value="Xóa"/>	<input type="button" value="Thoát"/>
<input type="button" value="Xem đầu"/>	<input type="button" value="Xem cuối"/>	<input type="button" value="Xem trước"/>	<input type="button" value="Xem sau"/>	

THÔNG TIN VỀ TỜ KHAI QUYẾT TOÁN														
CẬP NHẬT TỜ KHAI QUYẾT TOÁN														
Số hiệu tờ khai	<input style="width: 90%;" type="text"/>	Đơn vị tính	<input style="width: 95%;" type="text"/>											
Quý	<input style="width: 90%;" type="text"/>	Tổng số thuế quyết toán	<input style="width: 95%;" type="text"/>											
Năm	<input style="width: 90%;" type="text"/>	Tên doanh nghiệp	<input style="width: 95%;" type="text"/>											
<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 20%; text-align: center; padding: 5px;">Nhập mới</td> <td style="width: 20%; text-align: center; padding: 5px;">Ghi</td> <td style="width: 20%; text-align: center; padding: 5px;">Tìm kiếm</td> <td style="width: 20%; text-align: center; padding: 5px;">Xóa</td> <td style="width: 20%; text-align: center; padding: 5px;">Thoát</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center; padding: 5px;">Xem đầu</td> <td style="text-align: center; padding: 5px;">Xem cuối</td> <td style="text-align: center; padding: 5px;">Xem trước</td> <td style="text-align: center; padding: 5px;">Xem sau</td> <td></td> </tr> </table>					Nhập mới	Ghi	Tìm kiếm	Xóa	Thoát	Xem đầu	Xem cuối	Xem trước	Xem sau	
Nhập mới	Ghi	Tìm kiếm	Xóa	Thoát										
Xem đầu	Xem cuối	Xem trước	Xem sau											

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP ĐÃ NỘP TIỀN VÀO KHO BẠC														
DANH SÁCH CÁC DOANH NGHIỆP ĐÃ NỘP TIỀN VÀO KHO BẠC														
Số chứng từ	<input style="width: 90%;" type="text"/>	Năm	<input style="width: 95%;" type="text"/>											
Tên doanh nghiệp	<input style="width: 90%;" type="text"/>	Nội dung	<input style="width: 95%;" type="text"/>											
Tên kho bạc	<input style="width: 90%;" type="text"/>	Kỳ thuế	<input style="width: 95%;" type="text"/>											
Ngày nộp tiền	<input style="width: 90%;" type="text"/>	Số tiền	<input style="width: 95%;" type="text"/>											
<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 20%; text-align: center; padding: 5px;">Nhập mới</td> <td style="width: 20%; text-align: center; padding: 5px;">Ghi</td> <td style="width: 20%; text-align: center; padding: 5px;">Tìm kiếm</td> <td style="width: 20%; text-align: center; padding: 5px;">Xóa</td> <td style="width: 20%; text-align: center; padding: 5px;">Thoát</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center; padding: 5px;">Xem đầu</td> <td style="text-align: center; padding: 5px;">Xem cuối</td> <td style="text-align: center; padding: 5px;">Xem trước</td> <td style="text-align: center; padding: 5px;">Xem sau</td> <td></td> </tr> </table>					Nhập mới	Ghi	Tìm kiếm	Xóa	Thoát	Xem đầu	Xem cuối	Xem trước	Xem sau	
Nhập mới	Ghi	Tìm kiếm	Xóa	Thoát										
Xem đầu	Xem cuối	Xem trước	Xem sau											

THÔNG TIN VỀ CHỨNG TỪ ĐÃ ĐƯỢC CHUYỂN VÀO KHO BẠC				
DANH SÁCH CHỨNG TỪ ĐÃ ĐƯỢC CHUYỂN VÀO KHO BẠC				
Số chứng từ	<input style="width: 90%;" type="text"/>	▼	Phòng ban	<input style="width: 90%;" type="text"/>
Tên kho bạc	<input style="width: 90%;" type="text"/>	▼	Ngày chuyển	<input style="width: 90%;" type="text"/>
Nhập mới	Ghi	Tìm kiếm	Xóa	Thoát
Xem đầu	Xem cuối	Xem trước	Xem sau	

THÔNG TIN VỀ NHÂN VIÊN				
CẬP NHẬT NHÂN VIÊN				
Mã nhân viên	<input style="width: 90%;" type="text"/>	Giới tính	<input style="width: 90%;" type="text"/>	
Tên nhân viên	<input style="width: 90%;" type="text"/>	Chức vụ	<input style="width: 90%;" type="text"/>	
Ngày sinh	<input style="width: 90%;" type="text"/>	Tên phòng ban	<input style="width: 90%;" type="text"/>	▼
Nhập mới	Ghi	Tìm kiếm	Xóa	Thoát
Xem đầu	Xem cuối	Xem trước	Xem sau	

THÔNG TIN VỀ KHO BẠC

CẬP NHẬT DANH SÁCH KHO BẠC

Mã kho bạc Tên kho bạc

Nhập mới

Ghi

Tìm kiếm

Xóa

Thoát

Xem đầu

Xem cuối

Xem trước

Xem sau

THÔNG TIN VỀ PHÒNG BAN

CẬP NHẬT DANH SÁCH PHÒNG BAN

Mã phòng ban Chức năng Tên phòng ban

Nhập mới

Ghi

Tìm kiếm

Xóa

Thoát

Xem đầu

Xem cuối

Xem trước

Xem sau

2.4.3. Các giao diện xử lý dữ liệu

THÔNG BÁO NỢ QUÝ

Tên doanh nghiệp

Quý

Năm

THÔNG BÁO QUYẾT TOÁN THUẾ

Tên doanh nghiệp

Năm

BÁO CÁO TẠM TÍNH

Ngày bắt đầu

Ngày kết thúc

BÁO CÁO QUYẾT TOÁN THUẾ

Ngày bắt đầu

Ngày kết thúc

In

Thoát

BÁO CÁO THEO DỒI NỢ THUẾ

Năm

Quý bắt đầu

Quý kết thúc

In

Thoát

2.4.4. Các mẫu báo cáo**CỤC THUẾ TỈNH QUẢNG NINH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM***Độc lập – tự do – hạnh phúc***BÁO CÁO QUYẾT TOÁN THUẾ**

Mã st	Tên DN	Tổng STQT	Ngày nộp	Số CT	Số tiền	Kỳ thuế

Tổng

Ngày....tháng.....năm...

Người duyệt

(Ký, ghi rõ họ tên)

Người lập báo cáo

(Ký, ghi rõ họ tên)

CỤC THUẾ TỈNH QUẢNG NINH**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM***Độc lập – tự do – hạnh phúc***THÔNG BÁO NỢ QUÝ**

Tên cơ sở kinh doanh:

Mã số thuế:

Địa chỉ nhận thông báo:

Căn cứ số liệu cơ quan thuế đang theo dõi về tình hình thu nộp thuế của cơ sở kinh doanh, cơ sở kinh doanh còn nợ thuế:

Tổng số tiền tạm tính:.....

Trong đó:

Tiền nộp thuế:.....

Tiền nợ thuế:.....

Yêu cầu cơ sở kinh doanh nộp ngay số tiền thuế, tiền nợ vào NSNN. Nếu nộp chậm sẽ bị xử lý theo pháp luật.

Nếu có vướng mắc, đề nghị cơ sở kinh doanh liên hệ với cơ quan thuế theo địa chỉ:

Bộ phận liên hệ: Bộ phận KK&KKT, Bộ phận quản lý thu nợ.

Số điện thoại: 0333.825282

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ*(ký tên, đóng dấu)*

CỤC THUẾ TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
*Độc lập – tự do – hạnh phúc***BÁO CÁO THU THUẾ TẠM TÍNH**

Mã st	Tên DN	Tổng STTT	Ngày nộp	Số CT	Số tiền	Kỳ thuế

Tổng

Ngày....tháng.....năm...

Người duyệt

(Ký, ghi rõ họ tên)

Người lập báo cáo
(Ký, ghi rõ họ tên)

CỤC THUẾ TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
*Độc lập – tự do – hạnh phúc***THÔNG BÁO QUYẾT TOÁN NĂM**

Tên cơ sở kinh doanh:

Mã số thuế:

Địa chỉ nhận thông báo:

Căn cứ số liệu cơ quan thuế đang theo dõi về tình hình thu nộp thuế của cơ sở kinh doanh, cơ sở kinh doanh còn nợ thuế:

Tổng số tiền tạm tính:.....

Trong đó:

Tiền nộp thuế:.....

Tiền nợ thuế:.....

Yêu cầu cơ sở kinh doanh nộp ngay số tiền thuế, tiền nợ vào NSNN. Nếu nộp chậm sẽ bị xử lý theo pháp luật.

Nếu có vướng mắc, đề nghị cơ sở kinh doanh liên hệ với cơ quan thuế theo địa chỉ:

Bộ phận liên hệ: Bộ phận KK&KKT, Bộ phận quản lý thu nợ.

Số điện thoại: 0333.825282

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ

(ký tên, đóng dấu)

CỤC THUẾ TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – tự do – hạnh phúc

SỔ TỔNG HỢP THEO DÕI NỢ THUẾ

Kỳ lập sổ nợ: Từ..... đến.....

Cơ quan thuế:

Phòng ban:

Cán bộ:

Mã số thuế	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Nợ đầu kỳ lập sổ	Nợ phát sinh trong kỳ lập sổ	Số tiền nợ cuối kỳ lập sổ

NGƯỜI LẬP SỔ

(Ký tên)

PHỤ TRÁCH BỘ PHẬN NỢ

(Ký tên)

CHƯƠNG 3

CƠ SỞ LÝ THUYẾT

3.1. PHÂN TÍCH THIẾT KẾ HỆ THỐNG HƯỚNG CẤU TRÚC

3.1.1. Khái niệm hệ thống thông tin

Thông tin là một loại tài nguyên của tổ chức, phải được quản lý chu đáo giống như mọi tài nguyên khác. Việc xử lý thông tin đòi hỏi chi phí về thời gian, tiền bạc và nhân lực. Việc xử lý thông tin phải hướng tới khai thác tối đa tiềm năng của nó.

Hệ thống thông tin (Information System - IS) trong một tổ chức có chức năng thu nhận và quản lý dữ liệu để cung cấp những thông tin hữu ích nhằm hỗ trợ cho tổ chức đó và các nhân viên, khách hàng, nhà cung cấp hay đối tác của nó. Ngày nay, nhiều tổ chức xem các hệ thống thông tin là yếu tố thiết yếu giúp họ có đủ năng lực cạnh tranh và đạt được những bước tiến lớn trong hoạt động. Hầu hết các tổ chức nhận thấy rằng tất cả nhân viên đều cần phải tham gia vào quá trình phát triển các hệ thống thông tin. Do vậy, phát triển hệ thống thông tin là một chủ đề ít nhiều có liên quan tới bạn cho dù bạn có ý định học tập để trở nên chuyên nghiệp trong lĩnh vực này hay không.

Hệ thống thông tin là một hệ thống bao gồm con người, dữ liệu, các quy trình và công nghệ thông tin tương tác với nhau để thu thập, xử lý, lưu trữ và cung cấp thông tin cần thiết ở đầu ra nhằm hỗ trợ cho một hệ thống.

Hệ thống thông tin hiện hữu dưới mọi hình dạng và quy mô.

3.1.2. Khái niệm phân tích thiết kế hệ thống

Phân tích hệ thống: là giai đoạn phát triển trong một dự án, *tập trung vào các vấn đề nghiệp vụ*, ví dụ như những gì hệ thống phải làm về mặt dữ liệu, các thủ tục xử lý và giao diện, *độc lập với kỹ thuật* có thể được dùng để cài đặt giải pháp cho vấn đề đó.

Thiết kế hệ thống: là giai đoạn phát triển tập trung vào việc xây dựng và cài đặt mang tính kỹ thuật của hệ thống (cách thức mà công nghệ sẽ được sử dụng trong hệ thống).

3.1.3. Phân tích hệ thống hướng cấu trúc

Phân tích thiết kế hệ thống hướng cấu trúc là phân tích thiết kế HTTT theo hướng môđun hoá để dễ theo dõi, quản lý, bảo trì.

Các phương pháp luận hướng cấu trúc sử dụng một hay một số công cụ để xác định luồng thông tin và các quá trình xử lý. Việc xác định và chi tiết hoá dần các luồng dữ liệu và các tiền trình là ý tưởng cơ bản của phương pháp luận từ trên xuống.

Từ mức 0: mức chung nhất, quá trình tiếp tục làm mịn cho đến mức thấp nhất: mức cơ sở. Ở đó từ các sơ đồ nhận được ta có thể bắt đầu tạo lập các chương trình với các môđun thấp nhất (môđun lá).

Phát triển có cấu trúc đã cung cấp một tập hợp đầy đủ các đặc tả hệ thống không dư thừa được phát triển theo quá trình logic và lặp lại.

Có nhiều lợi ích trong việc phân tích thiết kế hệ thống hướng cấu trúc:

- a. Làm giảm sự phức tạp (nhờ chia nhỏ, môđun hoá)
- b. Tập trung vào ý tưởng (vào logic, kiến trúc trước khi thiết kế)
- c. Chuẩn mực hoá (theo các phương pháp, công cụ đã cho)
- d. Hướng về tương lai (kiến trúc tốt, môđun hoá để bảo trì)
- e. Giảm bớt tính nghệ thuật trong thiết kế (phát triển hệ thống phải tuân thủ các quy tắc và phương pháp)

3.2. THIẾT KẾ CSDL QUAN HỆ

3.2.1. Định nghĩa

Mô hình liên kết thực thể E-R là một mô tả logic chi tiết dữ liệu của một tổ chức hay một lĩnh vực nghiệp vụ.

Mô hình E-R diễn tả bằng các thuật ngữ của các thực thể trong môi trường nghiệp vụ, các thuộc tính của thực thể và mối quan hệ giữa các thực thể đó.

Mô hình E-R mang tính trực quan cao, có khả năng mô tả thế giới thực tốt với các khái niệm và kí pháp sử dụng là ít nhất. Là phương tiện quan trọng hữu hiệu để các nhà phân tích giao tiếp với người sử dụng

3.2.2. Các thành phần cơ bản của mô hình E-R

Mô hình E-R có các thành phần cơ bản sau:

- Các thực thể, kiểu thực thể.
- Các mối quan hệ
- Các thuộc tính của kiểu thực thể và mối quan hệ
- Các đường liên kết

3.2.3. Các khái niệm và kí pháp

a. Kiểu thực thể

Là một khái niệm để chỉ một lớp các đối tượng cụ thể hay các khái niệm có cùng những đặc trưng chung mà ta quan tâm.

- Mỗi kiểu thực thể được gán một tên đặc trưng cho một lớp các đối tượng, tên này được viết hoa.

- Kí hiệu:

TÊN THỰC THỂ

b. Thuộc tính

Là các đặc trưng của kiểu thực thể, mỗi kiểu thực thể có một tập các thuộc tính gắn kết với nhau. Mỗi kiểu thực thể phải có ít nhất một thuộc tính.

- Kí hiệu

Tên thuộc tính

- Các thuộc tính của thực thể phân làm bốn loại: Thuộc tính tên gọi, thuộc tính định danh, thuộc tính mô tả, thuộc tính đa trị.

- *Thuộc tính tên gọi*: là thuộc tính mà mỗi giá trị cụ thể của một thực thể cho ta một tên gọi của một bản thể thuộc thực thể đó, do đó mà ta nhận biết được bản thể đó.

Với VD trên thì *Hoten* là thuộc tính tên gọi của lớp thực thể *SINHVIEN*

- *Thuộc tính định danh (khóa)*: là một hay một số thuộc tính của kiểu thực thể mà giá trị của nó cho phép ta phân biệt được các thực thể khác nhau của một kiểu thực thể.

+ Thuộc tính định danh có sẵn hoặc ta thêm vào để thực hiện chức năng trên, hoặc có nhiều thuộc tính nhóm lại làm thuộc tính định danh.

+ Kí hiệu bằng hình elip bên trong là tên thuộc tính định danh có gạch chân.

Tên thuộc tính

+ Cách chọn thuộc tính định danh:

Giá trị thuộc tính định danh khác rỗng, nếu định danh là kết hợp của nhiều thuộc tính thì phải đảm bảo mọi thành phần của nó khác rỗng. Nên sử dụng định danh ít thuộc tính, nên thay định danh hợp thành từ một vài thuộc tính bằng định danh chỉ một thuộc tính.

Chọn định danh sao cho nó không thay đổi trong suốt vòng đời của mỗi thực thể

- *Thuộc tính mô tả*: các thuộc tính của thực thể không phải là định danh, không phải là tên gọi được gọi là thuộc tính mô tả. Nhờ thuộc tính này mà ta biết đầy đủ hơn về các bản thể của thực thể. Một thực thể có nhiều hoặc không có một thuộc tính mô tả nào.

- *Thuộc tính đa trị (thuộc tính lặp)*: là thuộc tính có thể nhận được nhiều hơn một giá trị đối với mỗi bản thể.

Ở ví dụ trên thuộc tính Sodienthoai là thuộc tính đa trị vì mỗi sinh viên có thể có nhiều số điện thoại (số điện thoại gia đình, số điện thoại di động)

+Kí hiệu: mô tả bằng hình elip kép với tên thuộc tính bên trong.

Tên thuộc tính

c. Mối quan hệ

Các mối quan hệ gắn kết các thực thể trong mô hình E-R. Một mối quan hệ có thể kết nối giữa một thực thể với một hoặc nhiều thực thể khác. Nó phản ánh sự kiện vốn tồn tại trong thực tế.

- Kí hiệu mối quan hệ được mô tả bằng hình thoi với tên bên trong

- Mối quan hệ giữa các thực thể có thể là sở hữu hay phụ thuộc (có, thuộc, là) hoặc mô tả sự tương tác giữa chúng. Tên của mối quan hệ là một động từ, cụm danh động từ nhằm thể hiện ý nghĩa bản chất của mối quan hệ.

- Mỗi quan hệ có các thuộc tính. Thuộc tính là đặc trưng của mỗi quan hệ khi gắn kết giữa các thực thể.

- Lực lượng của mỗi quan hệ giữa các thực thể thể hiện qua số thực thể tham gia vào mỗi quan hệ và số lượng các bản thể của thực thể tham gia vào một quan hệ cụ thể.

- *Bậc của mỗi quan hệ*

+ Bậc của mỗi quan hệ là số các kiểu thực thể tham gia vào mỗi quan hệ đó

+ Mỗi quan hệ bậc một hay liên kết cấp 1 là mỗi quan hệ đệ quy mà một thực thể quan hệ với nhau.

+ Mỗi quan hệ bậc hai là mỗi quan hệ giữa hai bản thể của hai thực thể khác nhau

+ Mỗi quan hệ bậc ba

3.3. CÔNG CỤ ĐỂ CÀI ĐẶT CHƯƠNG TRÌNH

3.3.1. HỆ QTCSDL SQL SERVER

3.3.1. HỆ QTCSDL SQL SERVER

SQL Server là hệ quản trị CSDL quan hệ (RDBMS) sử dụng Transact-SQL để trao đổi dữ liệu giữa Client computer và SQL Server computer. Một RDBMS bao gồm database, database engine và các ứng dụng dùng để quản lý dữ liệu và các bộ phận khác nhau trong RDBMS.

SQL Server 2000 được tối ưu hóa để chạy trên hàng ngàn user, SQL Server 2000 có thể kết hợp ăn ý với các server khác như Microsoft Internet Information Server (IIS), E-Commerce, Proxy Server...

Dùng để lưu trữ dữ liệu cho các ứng dụng. Khả năng lưu trữ dữ liệu lớn, truy vấn dữ liệu nhanh. Quản trị CSDL bằng cách kiểm soát dữ liệu nhập vào và dữ liệu truy xuất ra khỏi hệ thống và việc lưu trữ dữ liệu vào hệ thống. Có nguyên tắc ràng buộc dữ liệu do người dùng hay hệ thống định nghĩa. Công nghệ CSDL chạy trên nhiều môi trường khác nhau, khả năng chia sẻ CSDL cho nhiều hệ thống khác nhau. Cho phép liên kết giao tiếp giữa các hệ thống CSDL khác lại với nhau.

SQL Server có 7 editions: Enterprise, Standard, Personal, Developer, Desktop Engine (MSDE), Win CE.

a. Các thành phần của SQL Server 2000

- Database: cơ sở dữ liệu của SQL Server
- Tập tin log: tập tin lưu trữ những chuyển tác của SQL Server
- Table: các bảng dữ liệu
- Filegroups: tập tin nhóm
- Diagrams: sơ đồ quan hệ
- Views: khung nhìn (bảng ảo) số liệu dựa trên bảng
- Stored Procedure: thủ tục và hàm nội
- User defined Function: hàm do người dùng định nghĩa
- Users: người sử dụng CSDL
- Role: các quy định và chức năng trong hệ thống SQL Server
- Rules: những quy tắc
- Defaults: các giá trị mặc nhiên
- User-defined data types: kiểu dữ liệu do người dùng định nghĩa
- Full-text catalogs: tập tin phân loại dữ liệu

b. Đối tượng CSDL

CSDL là đối tượng có ảnh hưởng cao nhất khi làm việc với SQL Server. Bản thân SQL Server là một CSDL bao gồm các đối tượng database, table, view, stored procedure và một số CSDL hỗ trợ khác.

CSDL SQL Server là CSDL đa người dùng, với mỗi Server chỉ có một hệ quản trị CSDL. Nếu muốn nhiều hệ quản trị CSDL cần nhiều Server tương ứng.

Truy cập CSDL của SQL Server dựa vào tài khoản người dùng riêng biệt và ứng với các quyền truy cập nhất định. Khi cài đặt SQL Server có 6 CSDL mặc định: Master, Msdb, Tempdb, Pubs, Northwind.

c. SQL Server 2000 quản trị CSDL

Quản trị CSDL còn gọi là DBA, khi ứng dụng sử dụng CSDL SQL Server 2000, ngoài phần phát triển ứng dụng, thì SQL Server còn quản trị CSDL cho ứng dụng đó.

Để quản trị và bảo trì CSDL đang vận hành, dữ liệu thay đổi theo thời gian và không gian vì vậy người quản trị cần phải quan tâm đến các yếu tố xảy ra đối với CSDL

- Sắp xếp và lập kế hoạch công việc: lập kế hoạch công việc theo thời gian, theo định kỳ mà không gây sai sót.
- Sao lưu dữ liệu và phục hồi dữ liệu (backupdatabase- Restore database): công việc này hết sức cần thiết, vì khi có sự cố dữ liệu bị hư hỏng, thì cần phải có sao lưu để phục hồi, bảo vệ CSDL một cách an toàn.
- Quản trị các danh mục Full-text
- Thực hiện các thao tác cập nhật dữ liệu
- Thiết lập chỉ mục
- Import và Export dữ liệu
- Quản lý tài khoản đăng nhập và người dùng CSDL

Ngôn ngữ VISUAL BASIC

Ngay từ khi mới ra đời, Visual Basic được coi như là một đột phá làm thay đổi đáng kể nhận thức và sử dụng Windows. Trải qua gần mười năm với 6 phiên bản, Visual Basic đã tiến xa hơn và trở thành ngôn ngữ lập trình phổ biến nhất hiện nay. Đây là công cụ mạnh nhất để phát triển ứng dụng trên nền Windows

Thành phần “Visual” đã nói đến các phương thức dùng để tạo giao diện đồ họa người sử dụng (GUI). Thay vì phải viết những dòng mã để mô tả sự xuất hiện và vị trí của những thành phần giao diện, ta chỉ cần thêm vào các đối tượng đã được định nghĩa trước ở vị trí nào đó trên màn hình.

Ngoài những tính năng tương thích với các phiên bản VB trước đó, VB6 còn hỗ trợ phát triển ứng dụng trên nền 32 bit, tạo tệp tin thi hành và khả năng lập điều khiển (Control của chính mình, tăng cường cho Internet và có các tính năng cơ sở dữ liệu mạnh hơn).

Một ứng dụng Visual Basic có thể bao gồm một hay nhiều Project được nhóm lại với nhau. Mỗi Project có thể bao gồm một hay nhiều mẫu biểu (Form). Trên một Form cũng có thể đặt các điều khiển khác nhau.

Để phát triển một ứng dụng Visual Basic, sau khi đã tiến hành phân tích thiết kế, xây dựng CSDL, cần phải qua 3 bước chính:

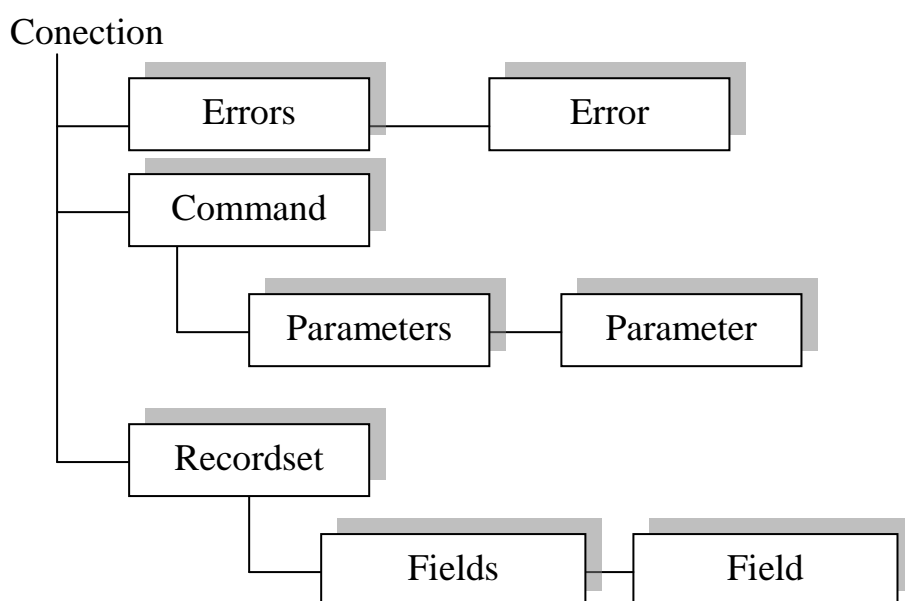
- Bước 1: Thiết kế giao diện, Visual Basic dễ dàng cho bạn thiết kế giao diện và kích hoạt mọi thủ tục bằng mã lệnh.
- Bước 2: Viết mã lệnh nhằm kích hoạt giao diện đã xây dựng.
- Bước 3: Chỉnh sửa và tìm lỗi.

a. Giới thiệu chung về ADO

ADO là công cụ để truy cập đến các CSDL được xây dựng trên OLEDB (Object Linking and Embedding Database). Nếu OLE DB là công nghệ được xây dựng ở mức hệ thống thì công nghệ ADO được xây dựng ở mức ứng dụng. Khi lập trình chúng ta không phải tương tác trực tiếp với OLE DB mà thay vào đó ta chỉ lập trình với ADO. Ưu điểm khi lập trình với ADO:

- Dễ sử dụng.
- Không phụ thuộc vào ngôn ngữ lập trình. Có thể sử dụng các ngôn ngữ như: Visual basic, Java, C++,...
- Không phụ thuộc vào nguồn dữ liệu. ADO có thể truy cập đến mỗi nguồn dữ liệu khác nhau thông qua OLE DB.
- Dễ dàng mở rộng.

b. Mô hình đối tượng của ADO



c. Các thành phần chính của Visual Basic

Do Visual Basic là ngôn ngữ lập trình hướng đối tượng nên việc thiết kế giao diện rất đơn giản bằng cách đưa các đối tượng vào Form và tiến hành thay đổi một số thuộc tính của các đối tượng đó.

- Form

Form là biểu mẫu của mỗi ứng dụng trong Visual Basic. Ta dùng Form (như là một biểu mẫu) nhằm định vị và sắp xếp các bộ phận trên nó khi thiết kế các phần giao tiếp với người dùng.

Ta có thể xem Form như là bộ phận mà nó có thể chứa các bộ phận khác. Form chính của ứng dụng, các thành phần của nó tương tác với các Form khác và các bộ phận của chúng tạo nên giao tiếp cho ứng dụng. Form chính là giao diện chính của ứng dụng, các Form khác có thể chứa các hộp thoại, hiển thị cho nhập dữ liệu và hơn thế nữa

Trong nhiều ứng dụng Visual Basic kích và vị trí của mẫu biểu vào lúc hoàn tất thiết kế (thường mệnh danh là thời gian thiết kế, hoặc lúc thiết kế) là kích cỡ và hình dáng mà người dùng sẽ gặp vào lúc thời gian thực hiện, hoặc lúc chạy. Điều này có nghĩa là Visual Basic cho phép ta thay đổi kích cỡ và vị trí của các Form đến bất kỳ nơi nào trên màn hình khi chạy một đề án, bằng cách thay đổi các thuộc tính của nó trong cửa sổ thuộc tính đối tượng (Properties Windows). Thực tế một trong những tính năng thiết yếu của Visual Basic đó là khả năng tiến hành các thay đổi động để đáp ứng các sự kiện của người dùng.

- Tool Box: (Hộp công cụ)

Các hộp công cụ này chỉ chứa các biểu tượng biểu thị cho các điều khiển mà ta có thể bổ sung vào biểu mẫu, là bảng chứa các đối tượng được định nghĩa sẵn của Visual Basic. Các đối tượng này được sử dụng trong Form để tạo thành giao diện cho các chương trình ứng dụng của Visual Basic. Các đối tượng trong thanh công cụ sau đây là thông dụng nhất:

- + Scroll Bar (Thanh cuộn).
- + Option Button Control (Nút chọn).
- + Check Box (Hộp kiểm tra).

- + Lable (Nhãn).
- + Image (hình ảnh).
- + Picture Box .
- + Text Box (Hộp soạn thảo).
- + Command Button (Nút lệnh).
- + Directory List Box, Drive List Box, File List Box.
- + List Box (hộp danh sách).

- Properties Windows (cửa sổ thuộc tính)

Properties Windows là nơi chứa danh sách các thuộc tính của một đối tượng cụ thể. Các thuộc tính này có thể thay đổi được để phù hợp với các yêu cầu về giao diện của các chương trình ứng dụng.

- Project Explorer

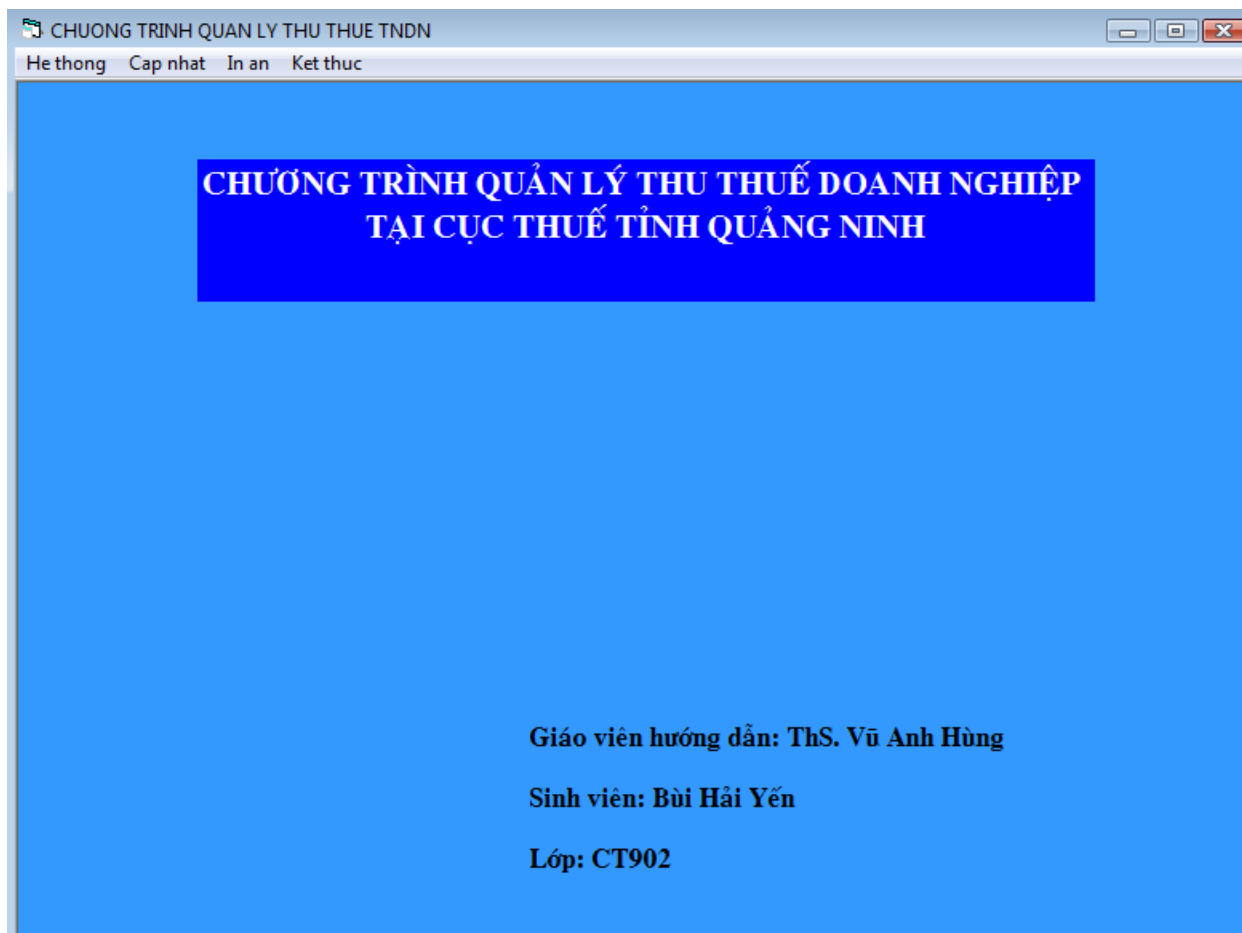
Do các ứng dụng của Visual Basic thường dùng chung mã hoặc các Form đã tùy biến trước đó nên Visual Basic 6 tổ chức các ứng dụng thành các Project. Mỗi Project có thể có nhiều Form và mã kích hoạt các điều khiển trên một Form sẽ được lưu trữ chung với Form đó trong các tệp tin riêng biệt. Mã lập trình chung mà tất cả các Form trong ứng dụng chia sẻ có thể được phân thành các Module khác nhau và cũng được lưu trữ tách biệt, gọi là các Module mã. Project Explorer nêu tất cả các biểu mẫu tùy biến được và các Module mã chung, tạo nên ứng dụng.

CHƯƠNG 4

CÀI ĐẶT CHƯƠNG TRÌNH

4.1. MỘT SỐ GIAO DIỆN CHÍNH

4.1.1. GIAO DIỆN CHÍNH



4.1.2. MỘT SỐ GIAO DIỆN CẬP NHẬT DỮ LIỆU

CAP NHAT DANH SACH DOANH NGHIEP

DANH SÁCH DOANH NGHIỆP

Mã số thuế: Địa chỉ:

Tên doanh nghiệp: Tài khoản:

Email:

Nhap Ghi Tim Kiem Xoa Thoat

Xem Dau Xem Cui Xem Truoc Xem Sau

mast	tendn	diachi	taikhoan	email
5700101147	Cong ty TNHH Thang Bac	to 6, khu2B, phuong Cao Thang - HL - QN	10201 0000 123756	thangbac@gmail.com
5700101148	Cong ty co phan VIGLACERA ha long	to7, khu4, phuong Gieng Day - HL - QN	10201 0000 154276	VIGLACERA_hk@qni.gov.vn
5700101149	Cong ty TNHH KS cong doan	to8, khu 9A, phuong Bai chay- HL- QN	0101 0000 24614	cdthan@qni.gov.vn
5700101150	Cong ty TNHH Huy Thanh	to1, khu 1B, phuong Hong hai - HL- QN	0101 0000 19342	huythanh@gmail.com
5700101151	Cong ty CP thiet bi dien tu	to 1, khu 5, phuong Ha trung - HL- QN	0101 0000 19741	tbdien@gmail.com
5700101152	Cong ty TNHH Phuong Linh	to9, khu 99, phuong Ha Khanh-HL- QN	0378 123457	Phuonglinh@gmail.com
5700101153	Cong ty CP thuong mai	to99, khhu3b, phuong Bai Chay- HL- QN	0378 128456	
5700101154	Cong ty du lich Ha Long	to2, khu 3, phuong Hong Hai - HL- QN	0378 173426	travels_hl@gmail.com
5700101155	Cong ty TNHH Hoa Phat	to7, khu 4, phuong Hong Hai- HL- QN	10201 0000 158276	hoaphat@qni.gov.vn
5700101156	Cong ty CP thiet bi hoc tap	to 7,khu2, phuong Ha Khanh	10201 0000 157276	
5700101157	Cong ty TNHH Kim Cuc	to 3,khu9b, phuong Bai Chay- HL- QN		
5700110147	Cong ty TNHH Hai Yen	to1 khu3b, phuong Hong Hai-HL - QN	10201 0000 159276	haiyen@qni.gov.vn

CAP NHAT TO KHAI QUYET TOAN

CẬP NHẬT TỜ KHAI QUYẾT TOÁN

Số hiệu quyết toán: Tổng số thuế quyết toán:

Năm: Tên doanh nghiệp:

Đơn vị tính:

sohieutoan	nam	dyt	totalstot	mast
001011475	2008	dong viet nam	3939117197	5700101147
001011485	2008	dong viet nam	3938117197	5700101148
001011495	2008	dong viet nam	3938117196	5700101149
001011505	2008	dong viet nam	4040117197	5700101150
001011515	2008	dong viet nam	4040118197	5700101151
001011525	2008	dong viet nam	4040118198	5700101152
001011535	2008	dong viet nam	5000000000	5700101153
001011545	2008	dong viet nam	4040118196	5700101154
001011555	2008	dong viet nam	3838118123	5700101155

Nhap Ghi Tim Kiem Xoa Thoat

Xem Dau Xem Cui Xem Truoc Xem Sau

CAP NHAT TO KHAI TAM TINH

CẬP NHẬP TỜ KHAI TẠM TÍNH

Số hiệu tờ khai: Đơn vị tính:

Quý: Tổng số thuế tạm tính:

Năm: Tên doanh nghiệp:

sohieutt	quy	nam	dvt	longstt	mast
001011471	1	2009	dong viet nam	311117123	5700101147
001011472	2	2009	dong viet nam	391117198	5700101147
001011481	1	2009	dong viet nam	311117123	5700101148
001011482	2	2009	dong viet nam	391117150	5700101148
001011491	1	2009	dong viet nam	291117197	5700101149
001011492	2	2009	dong viet nam	291117198	5700101149
001011501	1	2009	dong viet nam	291117199	5700101150
001011502	2	2009	dong viet nam	301117197	5700101150
001011511	1	2009	dong viet nam	301117198	5700101151
001011512	2	2009	dong viet nam	401117197	5700101151
001011521	1	2009	dong viet nam	401117198	5700101152
001011522	2	2009	dong viet nam	312227198	5700101152

Nhap Ghi Tim Kiem Xoa Thoat

Xem Dau Xem Cuoi Xem Truoc Xem Sau

DANH SACH CHUNG TU DUOC CHUYEN

DANH SÁCH CHỨNG TỪ CỦA DOANH NGHIỆP ĐÃ ĐƯỢC CHUYỂN

Số chứng từ: Phòng ban:

Kho bạc: Ngày chuyển:

soct	makb	mapb	ngaychuyen
00197101	5701	kkt	4/3/2009
00197102	5702	kkt	4/3/2009
00197103	5704	kkt	4/3/2009
00197104	5701	kkt	4/3/2009
00197105	5701	kkt	4/3/2009
00197106	5703	kkt	4/21/2009
00197107	5703	kkt	4/3/2009

Nhap Ghi Tim Kiem Xoa Thoat

Xem Dau Xem Cuoi Xem Truoc Xem Sau

4.1.3. MỘT SỐ GIAO DIỆN XỬ LÝ DỮ LIỆU




THÔNG BÁO NỢ QUÝ

Mã số thuế: Công ty TNHH Hương Giang

Quý: 1

Năm: 2009

In Thoát



THÔNG BÁO NỢ QUYẾT TOÁN

Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH Minh F

Năm: 2007

In Thoát

BAO CAO QUYẾT TOÁN

BAO CÁO QUYẾT TOÁN THUẾ

Ngày bắt đầu

Ngày kết thúc

BAO CAO TAM TINH

BAO CÁO TẠM TÍNH

Ngày bắt đầu

Ngày kết thúc

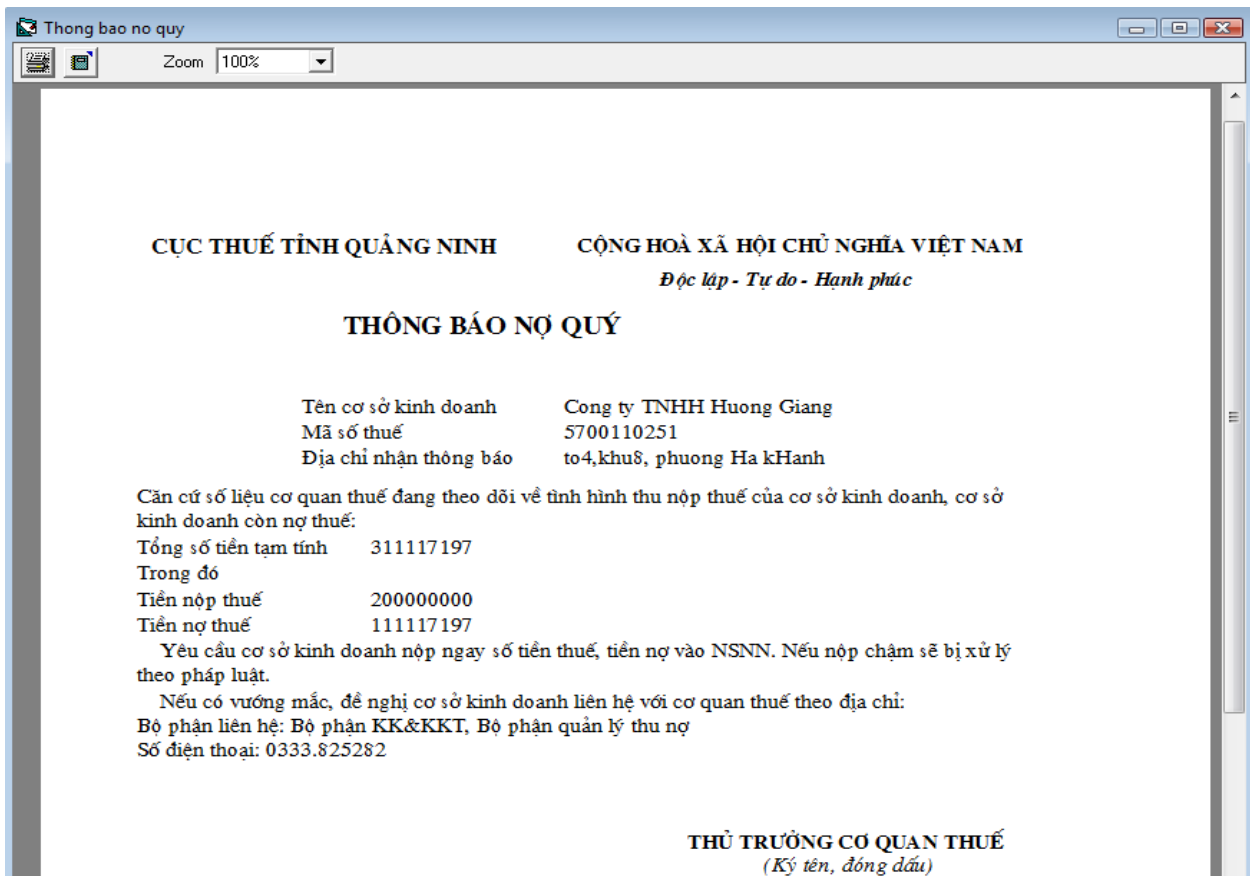
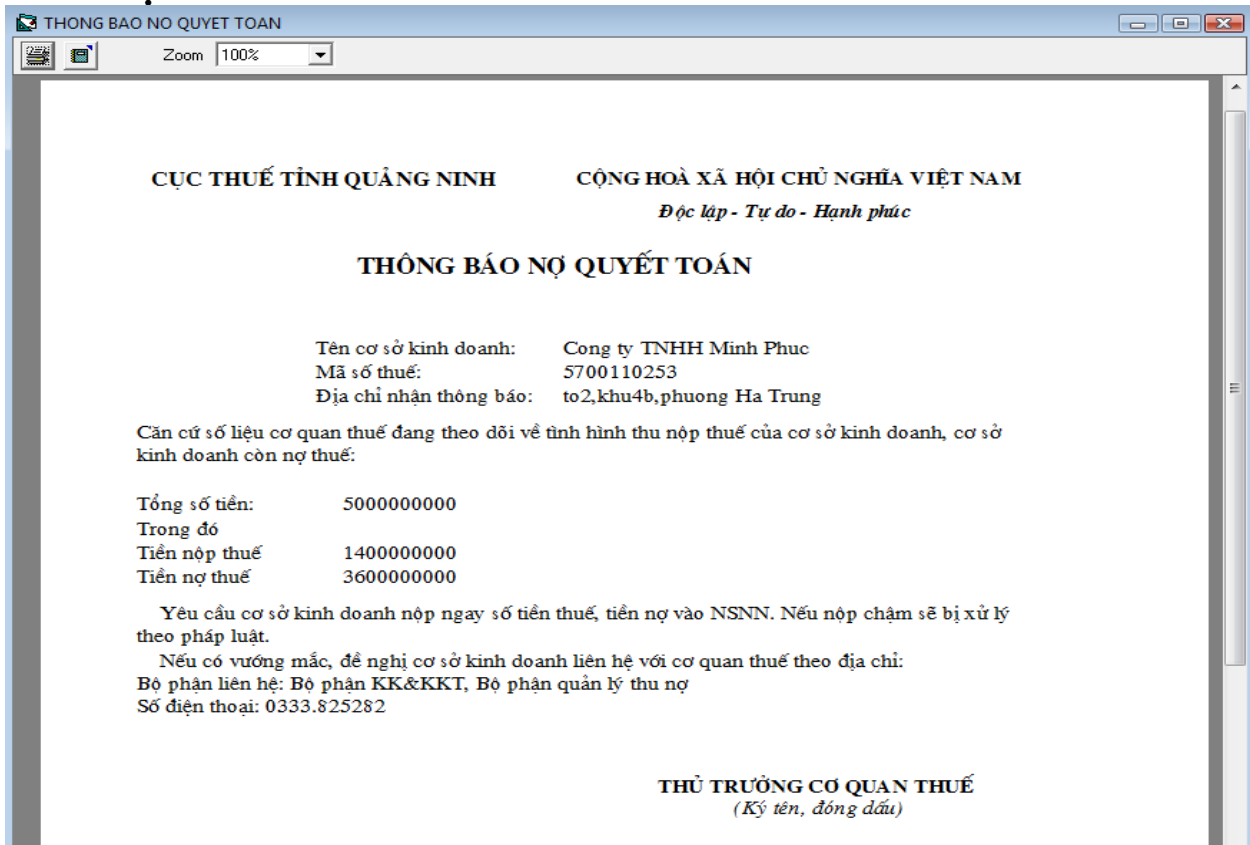
Tong Hop No Thue

BÁO CÁO TỔNG HỢP NỢ THUẾ

Năm

Từ quý Đến quý

4.1.4. MỘT SỐ BÁO CÁO



BAO CAO TONG HOP NO THUẾ

Zoom 100%

CỤC THUẾ TỈNH QUẢNG NINH CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO TỔNG HỢP NỢ THUẾ

Năm 2008
Từ quý 1 đến quý 3

Mã số thuế	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Nợ đầu kỳ	Nợ trong kỳ	Nợ cuối kỳ
5700110252	Công ty CP nhiệt điện Hà Long	to3,khu5b, phường Giếng Dày - HL -	0	100000000	100000000

NGƯỜI LẬP SỔ
(ký tên)

PHỤ TRÁCH BỘ PHẬN NỢ
(ký tên)

4.2. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

Trong quá trình làm đồ án này em đã có nhiều cố gắng trong việc tìm hiểu nghiệp vụ tại cục thuế tỉnh Quảng Ninh, thu thập các tài liệu liên quan đến đề tài với sự giúp đỡ nhiệt tình của thầy Vũ Anh Hùng, cùng với nhà trường đã giúp em tìm hiểu, phân tích, thiết kế, cài đặt được chương trình của đề tài. Chương trình quản lý thu thuế doanh nghiệp tại cục thuế tỉnh Quảng Ninh đã đáp ứng được công việc lưu trữ thông tin về thu thuế thu nhập doanh nghiệp trên máy, cập nhật, tính toán chính xác, tìm kiếm thông tin về doanh nghiệp cũng như thông tin về công việc thu thuế tiện lợi, in ấn danh sách các doanh nghiệp đã nộp thuế tạm tính, quyết toán thuế, các thông báo nợ quý, nợ quyết toán, tổng hợp nợ thuế.

Vì thời gian có hạn nên đồ án còn có thiếu sót em mong nhận được sự góp ý của thầy cô và các bạn để hoàn thiện đề tài có thể đạt được những kết quả tốt hơn nữa.

KẾT LUẬN

Thông qua quá trình thực hiện Đồ án tốt nghiệp với đề tài “Xây dựng chương trình quản lý thu thuế doanh nghiệp”, bản thân em tự thấy mình đã thu được các kết quả sau:

- Hiểu biết được phương pháp hướng cấu trúc, từ đó đã áp dụng các hiểu biết của mình để phân tích thiết kế bài toán.
- Có được các kinh nghiệm thực tế khi được tham gia vào một dự án lớn cụ thể để có thể áp dụng được các kiến thức đã được học vào thực tiễn.
- Tiến hành phân tích thiết kế hoàn thiện hệ thống bằng phương pháp hướng cấu trúc một cách đầy đủ.
- Cài đặt một số module để thử nghiệm bằng ngôn ngữ Visual Basic 6.0

Trong quá trình hoàn thiện đồ án, do còn có nhiều sai sót mong được các thầy cô góp ý, giúp đỡ để chương trình của em ngày càng hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. PGS. TS. Nguyễn Văn Vy (2004), *Giáo trình phân tích thiết kế hệ thống thông tin*, NXB thống kê, Hà nội
2. Nguyễn Thị Ngọc Mai (2004), *Visual Basic 6.0 - Lập trình cơ sở dữ liệu*, Nhà xuất bản lao động – xã hội